

HỒA THƯỢNG
GIỚI NGHIÊM

GIẢI VẼ CỠ TRỜI



GIẢI VẼ KIẾP

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

Hòa thượng GIỚI NGHIÊM
THITASĪLO

GIẢI VỀ CÔI TRỜI
(SAGGA KATHĀ)

LỜI GIỚI THIỆU

Một trong những chương trình hoạt động của Ban Phật giáo Nam tông Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, là sưu tập và xuất bản lại những tác phẩm, dịch phẩm của chư vị Trưởng lão tiền bối có công khai sơn Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam như Ngài Hộ Tông, Ngài Bửu Chơn, Ngài Giới Nghiêm, Ngài Tịnh Sự, Pháp sư Thông Kham v.v...

Có một số kinh sách đã được chính thức xuất bản trước năm 1975, nhưng vì thời đó phương tiện in ấn còn thô sơ nên có nhiều sai sót. Một số khác còn là bản thảo, hoặc chỉ mới quay roneo, in lụa để kịp thời phát hành nội bộ trong các dịp lễ, chưa có ý định nhuận sắc để xuất bản. Vì vậy Ban Phật giáo Nam Tông cần phải tu thư và nhuận sắc lại trước khi xin xuất bản.

Riêng về các dịch phẩm của Ngài Giới Nghiêm, Thượng tọa Giới Đức đã tự nguyện dành nhiều thời gian và công sức để nhuận sắc cuốn Mi Tiên Vấn Đáp và Giải Về Cõi Trời. Bản thân tôi cũng đã nhuận sắc cuốn Tứ Niệm Xứ và Giải Về Bạn. May mắn thay lúc còn sanh tiền, Ngài thường giao cho chúng tôi nhuận sắc hầu hết những tác phẩm của Ngài. Nhờ được sống nhiều năm gần gũi bên Ngài nên chúng tôi dễ dàng thừa hỏi lại những đoạn văn khó hiểu, những ngôn từ trong cách dụng ngữ riêng của Ngài nên chúng tôi đã làm quen được với cốt cách, ý tứ và văn phong trong các tác phẩm của Ngài. DO đó, bây giờ chúng tôi mới dám tự nguyện thực hiện công việc khó khăn này, sợ rằng người khác khó có thể nắm bắt được những chỗ khúc mắc về căn ngôn, ngữ nghĩa trong các bản thảo này.

Vì việc làm khó khăn như vậy, chúng tôi chân thành mong được sự cộng tác và góp ý của chư Tăng, Tu nữ, và Phật tử

để cho chương trình giới thiệu lại các tác phẩm của chư Tôn
đức tiền bối được hoàn chỉnh và hiệu quả hơn.

Trân trọng,

Trưởng Ban Phật giáo Nam Tông
Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam
Hòa Thượng Viên Minh

TIỂU SỬ CỐ HÒA THƯỢNG THIỀN SƯ GIỚI NGHIÊM

HÒA THƯỢNG THIỀN SƯ GIỚI NGHIÊM, thê danh Nguyễn Đình Trấn, sanh ngày 05-05-1922 (nhằm ngày 09-04
Nhâm Tuất) tại làng Giạ Lê Thương, huyện Hương Thủy,
tỉnh Thừa Thiên – Huế. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Đình
Tải. Thân mẫu là cụ bà Huỳnh Thị Thành.

Ngài sanh ra trong một gia đình theo đạo Phật lâu đời.
Năm 09 tuổi, Ngài vào một ngôi chùa hẻo lánh ở làng Bãng
Lãng – Huế, để tu học và thọ giới Sa di. Năm 1942, Ngài thọ
Tỳ kheo giới tại chùa Phổ Đà – Đà Nẵng thuộc hệ phái Bắc
truyền. Năm 1944, Ngài du học tại Campuchia và năm 1947,
Ngài được Hòa thượng Niếp-Tích truyền giới tỳ kheo và theo
học đạo với Vua Sãi Campuchia là Trưởng lão Hòa thượng
Chuan-Natch. Các năm kế tiếp, Ngài du học tại Thái Lan,
Miến Điện và được Hòa thượng thiền sư Mahasi Sayadaw
truyền thọ pháp hành Tứ Niệm Xứ.

Năm 1954, Ngài dự hội nghị kết tập Tam tạng kinh điển
(Pāli) lần thứ VI tại Rangon, Miến Điện.

Trở về quê hương 1957, Ngài cùng các vị cao tăng thành
lập Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam.

Từ 1964-1974, Ngài liên tục giữ chức vụ Tăng thống
GHTGNTVN nhiều nhiệm kỳ.

Năm 1979, được sự cung thỉnh của Mặt Trận Đoàn Kết Dân Tộc Cứu Nước Campuchia, Ngài cùng phái đoàn Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam qua Campuchia để truyền Cú Túc giới cho 07 vị sư sãi lãnh đạo, phục hồi Phật giáo Campuchia sau pháp nạn. Tại Giới đàn này, Ngài được cung thỉnh làm Đàn đầu Hòa thượng.

Năm 1980, Ngài tham gia Ban vận động thành lập GHPGVN và được suy cử chức Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN.

Hơn nửa thế kỷ xuất gia hành đạo, hoằng pháp và phục vụ cho xã hội, Ngài đã để lại cho hậu thế nhiều công đức và nhiều công trình Phật sự to lớn.

Ngài là vị thiền sư đầu tiên tạo được nhiều thiền viện, trong đó có thiền viện Phước Sơn và nhiều ngôi Tam Bảo trên toàn quốc. Ngài cũng đã trước tác nhiều kinh sách có giá trị, và đào tạo nhiều đệ tử trở thành tăng tài cho Giáo hội.

Ngày 09-08-1984, Ngài già từ cõi thế, an nhiên thị tịch lúc 10 giờ 30 tại chùa Phật Bảo. Thọ mạng được 63 tuổi, 38 hạ lạp.

Hằng năm vào ngày 13-07 Âl, lễ tưởng niệm Hòa thượng được long trọng tổ chức tại chùa Phật Bảo – Tân Bình, TPHCM.

Tham khảo Danh Tăng Việt Nam, tập I, Thích Đồng Bổn biên soạn, Thành Hội Phật giáo xuất bản năm 1997 và Bia Tưởng niệm tại Tháp Bảo Ân, Phước Sơn thiền viện, Đồi Lá Giang, Long Thành, Đồng Nai.

LỜI TỰA

Biên soạn tập sách “Giải về Cõi Trời” này, chúng tôi có nhã ý cúng dường pháp thí trong ba ngày 24, 25, 26 tháng 3 năm 1961 (tức ngày 8, 9, 10 năm Tân Sửu) tại Tam Bảo Tự - Đà Nẵng để cầu quốc thái dân an và kỷ niệm “*Đệ bát chu niên*” ngày Phật giáo Việt Nam truyền bá đến Trung Việt.

Toàn thể Tăng và cư sĩ Phật tử thuộc Tổng hội Phật giáo Nguyên thủy Trung phần¹, sau khi nghe đại đức Hộ Tông – *Tăng thống Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam* – tại Sài Gòn quang lâm về đây, đã giảng giải ý nghĩa trọng đại của buổi lễ, đồng thời đã từ tâm ban rải một thời pháp sách tấn, khuyến hóa mọi người tinh cần tu tập. Đại Đức Tăng thống cũng kêu gọi *tài thí* rất trọng thể để hoàn thiện quy mô ngôi chùa có tính lịch sử, là dấu ấn hồng pháp đầu tiên tại đất miền trung.

Xét thấy đây là cơ hội tốt để tôi ấn hành tập sách bé nhỏ này, để góp phần *pháp thí* cho trọn vẹn ý nghĩa lời pháp trong câu: “*Tài, Pháp – nhị thí thí thành công, phước huệ song tu phương tác Phật*”; giả nghĩa cho rõ là *tài thí* và *pháp thí* mà đầy đủ, trọn vẹn; *phước* và *huệ* mà cùng tu mới mong thành Phật!

Biên soạn tập sách: “*Giải về Cõi Trời*” này, tuy chưa đầy đủ lắm, song cũng có thể là chút ít tư liệu cho những ai muốn tìm hiểu về *Cõi Trời* một cách đúng đắn và chính xác hơn. Đường như trước đây ai cũng hiểu khái quát, rằng là *Cõi Trời* là nơi đẹp lắm, tuyệt mỹ lắm, kỳ thú lắm, hạnh phúc và an lạc lắm! Thế thôi! có người lại hiểu lầm, cứ định minh *Cõi Trời*

¹ Đây là một tổ chức ph trước 1975. Nay tổ chức này không còn vì đã gia nhập vào Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

chỉ có 1 ông, một vị thần hay một vị thượng đế nào đó; và mọi quyền tài phán, định đoạt vận mệnh vui khổ, hèn sang, phước tội của con người đều ở trong tay ông ta cả! Đọc tập sách này, mọi người mới thấy ra rằng, hóa ra *Cõi Trời* không chỉ có “*một ông*”, “*một ngài*” mà có vô lượng chúng hữu tình cộng cư ở đây. Và *Cõi Trời* chẳng ai chiếm lấy một mình được. Bất cứ ai, bất cứ “*nhân loại*” nào, chúng sanh nào, hữu tình nào có tu hành, biết làm phước, biết trì giới, có tham thiền, có đức tin, biết làm lành, lánh ác đều có thể hóa sanh lên *Cõi Trời* này để thọ hưởng phước quả mỹ diệu, thắng xa cõi Người. Đành rằng, các *Cõi Trời* chưa phải là cứu cánh cho những người hành đạo giải thoát; nhưng cũng là nơi xứng đáng cho chúng ta “*nhàn cư*”, “*an cư*”, “*lạc cư*” tạm thời khi chưa hành trì, công phu đến chỗ rốt ráo! Nó như là phần thưởng khuyến khích, an ủi cho những kẻ khởi tâm tu tập về giai đoạn sơ thiện, hướng thiện trên lộ trình bỏ mê tầm giác. Chư vị Bồ tát có đại nguyện Chánh Đẳng Giác trong nhiều kiếp miệt mài bồi bổ công hạnh Ba la mật, đôi khi miệt mỏi – các ngài đều lựa chọn các *Cõi Trời* Dục giới, thường là Đâu suất đà thiên để nghỉ ngơi một thời gian! Vậy *Cõi Trời* là cõi của phước quả; ai tích lũy được nhiều *tín, thí, giới* - thì được hóa sanh lên 6 *Cõi Trời* Dục giới để thọ hưởng phước báu của mình như định luật nhân quả tự nhiên – chứ chẳng có ai mời, ai rước, ai đưa cả! Nếu ai tu tập đặc định, đặc thiền thì hóa sanh các *Cõi Trời* cao hơn, có thể là trời Sắc giới hoặc Vô sắc giới – tùy đề mục quán tưởng, định thiền.

Cuối cùng, tôi và toàn thể thí chủ nhất tâm hồi hướng phần phước của tài thí và pháp thí thanh cao này đến cho tất cả chúng sanh, nhất là ân nhân nhiều đời của chúng ta được an sinh, hạnh phúc và tấn hóa.

Nguyện cầu cho quốc dân, đất nước Việt Nam được thanh bình an lạc.

Nguyện cầu Tam Bảo chứng minh và chư thiên hộ trì cho
tất thầy thí chủ, kẻ công người của, đã thành tâm và hoan hỷ
phần phước sự hôm nay sớm thoát ly sinh tử luân hồi, chứng
quả Vô sanh bất diệt Đại Niết bàn!

Mong thay,

Tỳ Kheo Giới Nghiêm

Tam Bảo Tự - 1961

Nammo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambudhassa

Giải về Cõi Trời

(Sagga kathā)

A- Khái quát về Cõi Trời:

Nghe đến cõi trời thì ai cũng ưa, cũng thích và các hàng phật tử của chúng ta ở đây cũng không ngoại lệ, có phải thế không? Lác đác trong kinh sách mà chư vị đã đọc hoặc do quý sư giảng nói thì *Cõi Trời* là nơi hạnh phúc, an lạc, là cái nơi thành tựu phước quả, được hưởng mãi “*ngũ dục công đức*”! Như vậy, nghe về *Cõi Trời* thì nhiều mà chưa ai từng thấy, ngoại trừ các bậc có thắng trí, có khả năng siêu phàm mới có thâm quyền thấy, biết và kể lại. Mà thật ra, *Cõi trời* ấy, có ngữ nghĩa chính xác như thế nào? Nhân và quả cụ thể như thế nào? Lộ trình tu tập và các cảnh giới có sự giống nhau, khác nhau, cao thấp khác nhau ra sao thì cũng chưa ai tỏ tường có phải thế chăng?

Vậy nên, hôm nay chúng ta thử tìm hiểu cho cận kề, nói theo học thuật chuyên môn là phải lần vọng giải đáp cho thông tỏ vấn đề đang bàn, rõ ràng và sâu rộng hơn 1 chút.

“*Sagga*” là từ gốc của ngôn ngữ quốc độ Māgadha thừa Phật tại tiền được gọi là Māgadhi. Tách ra thì nó có hai ngữ âm “*sa*” và “*gga*”. “*Sa*” có được từ ngữ căn “*su*”, có nghĩa là tốt, sạch, dễ... “*Gga*” lại là xuất sinh từ chữ “*agga*”, có nghĩa là ngọn, đỉnh, phi thường... Vậy, nếu hiệp lại toàn bộ ngữ nghĩa cả hai phần, “*Sagga*”, theo các nhà chú giải - sẽ có được cả trường nghĩa như sau: *Tốt phi thường, sạch phi thường, dễ phi thường*...

Chúng ta sẽ lần lượt đi theo sát từng cụm nghĩa một.

**Tốt phi thường:* Thế nào là tốt mà là tốt phi thường? Và tốt là cái gì tốt? Trên thế gian này, chúng sanh vui hay khổ đều tùy thuộc nhân quả nghiệp báo. Nói cách khác, tùy thuộc các nghiệp thiện ác đời trước mà lai sinh cõi này nên có *chánh báo, y báo*² khác nhau. Theo đó, nếu chánh báo, y báo tốt thì nhân thân, sắc tướng của họ cùng với việc thọ hưởng ngũ trần (*sắc, thanh, hương, vị, xúc*), sẽ đi liền với của cải, chức tước, địa vị, danh vọng, tuổi thọ, sắc đẹp, an vui, sức khỏe có phải thế chăng? Ở thế gian thì dễ gì có được trọn vẹn những nhu cầu ấy, ước mơ ấy! Nhưng nói chung, *Cõi Trời* thì có đây! *Cõi Trời* (ví dụ *trời Dục Giới*) thì nhân thân, sắc tướng và cả ngũ trần kia đều rất tốt, rất đẹp, rất mỹ diệu. Các *Cõi Trời* ấy thì châu báu không thiếu, danh vọng, vinh quang không thiếu, còn tuổi thọ, sắc đẹp, sống lâu, an vui, sức khỏe thì khỏi bàn, tối thiểu là nó gấp hàng trăm, hàng ngàn lần nhân loại này ấy chứ! (*sẽ giải thích ở phần sau*). Đây là tạm thời cho ta hiểu về *tốt phi thường*.

**Sạch phi thường:* Cái gì sạch? Và tại sao lại sạch phi thường? Đây cũng hàm chỉ chánh báo, y báo của *Cõi Trời*. Thế gian có nhân thân, sắc tướng và thọ hưởng ngũ trần, *Cõi Trời* cũng có như vậy. Nhưng nhân thân, sắc tướng và ngũ trần ở thế gian - mà chúng ta đang thêm muốn, đang chấp thủ đây - chúng thô tháo, chúng kịch cộm, thô lậu, dơ bẩn lắm! Ngược lại, ở các *Cõi Trời Dục giới* thì chúng vi tế, tinh sạch, thơm tho, mịn màng, khiết nhã gấp trăm lần, gấp ngàn lần! Cho nên tạm gọi là *sạch phi thường*.

² *Chánh báo:* Quả báo chính tạo nên sắc thân tốt hay xấu, hoàn hảo ngũ quan hay khuyết tật ngũ quan. *Y báo:* Là quả báo nương nhờ, ví như dòng dõi, gia thế sang hèn, của cải, giàu nghèo, trí ngu, vui khổ... Người có chánh báo tốt thì có y báo tốt, có chánh báo xấu thì có y báo xấu.

**Dễ phi thường*: Chúng ta cũng phải biết và hiểu giống như *tốt phi thường* và *sạch phi thường* ở trên. Dầu có chánh báo tốt, y báo tốt nhưng những ước mơ và hạnh phúc của con người thường khiếm khuyết, bất toàn, không trọn vẹn. Mọi sở đắc về của cải, tài sản, mọi thụ hưởng về sắc, thanh, hương, vị, xúc ở thế gian cũng tương tự vậy, lại còn rất khó khăn và rất vất vả nữa! Nhưng ở các *Cõi Trời* thì chúng rất dễ, chẳng phải đổ mồ hôi, sôi nước mắt gì ráo! Có vài *Cõi Trời* hề muốn ăn cái gì thì có cái ấy; muốn mặc cái gì thì có ngay thiên y, thiên bào sang trọng và mỹ diệu; muốn có tiên nữ quạt hầu hoặc cung điện sang trọng chỉ cần khởi lên một ý nghĩ là có ngay! Nó dễ như vậy đó, đến độ chú giải là *Dễ phi thường*!

Đến đây, ta có thể nói thêm rằng, sắc thân, hình tướng của chư thiên các cõi trời Dục giới - cũng được kết tụ bởi vật chất, bởi đất nước lửa gió - nhưng là một loại vật chất rất vi tế, tinh minh, sáng trong, thanh sạch, mắt ta nhìn không thấy được. Tất cả họ đều hóa sanh. Và đời sống họ hưởng ngũ dục của họ có lẽ chúng ta cũng không thể tưởng tượng được đâu. Ngũ trần ở đây cũng tương tự thế. *Sắc* thì thù thắng, mỹ diệu, rực rỡ tươi sáng, diễm lệ...*Thanh* thì ở đâu cũng du dương, trầm bổng thánh thót, mê ly, khoan khoái và hoan hỷ lòng người. *Hương* thì ở đâu cũng thơm tho, ngọt ngào, tinh khiết...*Vị* thì chắc hẳn mọi cái ngọt ngon, béo bùi ở nhân gian sẽ trở nên buồn tẻ! *Xúc* thì được sờ chạm tất cả cái gì mịn màng, êm ái, dễ chịu, rung động cả từng tế bào! Tuy nhiên, mọi ngôn ngữ diễn đạt, so sánh như trên có lẽ thiếu sót và khập khiễng vì không thể nào nói hết cái *Tốt phi thường*, *cái sạch phi thường* và *dễ phi thường* của *Cõi Trời* được.

Chư vị hãy nghe đây! Đức Phật thường giảng pháp thuận thứ, đầu tiên nói đến hạnh phúc và an vui của các *Cõi Trời*, sau đó nói về nhân quả các cảnh giới rồi mới nói đến sự tu tập tuần tự, thứ lớp cho chư tùy khuru và hai hàng cư sĩ áo

trắng. Trong dịp này, đức Phật có nhấn mạnh hai pháp quan trọng, hai yếu tố quyết định, chúng dẫn đầu mọi thiện pháp khác ấy là “*hiri*” và “*ottapa*”!

- *Hiri* là gì? *Hiri* (tàm) là tự tâm cảm thấy hổ thẹn không dám làm điều ác, việc ác.

- *Ottapa* là gì? *Ottapa* (quý) là tự thân cảm thấy ghê sợ quả của các nghiệp.

Vậy, khi có hai pháp này, ta sẽ không tạo tác các ác nghiệp do thân khẩu nữa mà chỉ làm việc lành, việc tốt thôi; - ví dụ biết bố thí, giữ giới - nên hết kiếp người, ta sẽ hóa sanh lên các Cõi Trời (*thế gian hay gọi là thiên đàng*).

Còn nữa, nếu người nào tu tập, biết chiêm nghiệm sẽ thấy rõ rằng, hễ lúc nào có hai pháp *tàm* và *quý* thì lúc ấy tâm ta rất mát mẻ, an vui. Giả sử như chỉ có hai pháp ấy, rồi lâm tử thì quả báu của nó: Không hóa sanh Cõi Trời thì cũng tái sanh làm người có chánh báo, y báo rất tốt đẹp. Sắc thân của người ấy hoàn mỹ, cân đối tươi sáng. Tiếng nói của người ấy êm dịu, thanh tao, dễ nghe. Nước da của người ấy như mạ vàng ròng và tỏa mùi thơm. Người ấy sẽ thọ hưởng ngũ trần sang cả và sung mãn. Cửa cái tài sản của người ấy phúc tức và thừa kế nhiều vật trân quý. Danh thơm, tiếng tốt của người ấy làm ai ai cũng muốn gần gũi, thân cận.

Nói cách khác, nếu biết nuôi dưỡng thường xuyên hai pháp *tàm* và *quý* đó - thì tâm ta hằng mát mẻ an vui. Như thế, mặc dầu còn ở thế gian nhưng ta đã *đi đến Cõi Trời bằng tâm* - vì Cõi Trời cũng mát mẻ an vui như vậy. Đây được gọi là đang sống trong Cõi Trời! *Người làm việc lành luôn sống trong Cõi Trời*.

Muốn biết thêm điều này, chúng ta thử quan sát, chiêm nghiệm trường hợp ngược lại, một người làm ác. Ví dụ những nghiệp nặng như cướp của, giết người, thì tâm người ấy sẽ

bất an sợ hãi, lo âu, dường như có một lò lửa nóng hằng nung đốt trong tâm. Như vậy, mặc dầu còn ở thế gian nhưng người ấy đã *đọa xuống địa ngục bằng tâm* - vì cảnh giới địa ngục thường bị nung bị đốt, bị thiêu cháy như vậy. Đây được gọi là đang sống trong Địa Ngục! *Người làm việc ác luôn sống trong Địa Ngục!*

Nói đến đây tôi muốn đưa ra một vài ví dụ, một vài sự so sánh, đối chiếu để hiểu thêm vấn đề. Quý vị biết rồi, thời nào cũng vậy, xã hội có lắm giai cấp, lắm trò kịch bản bất công theo đó sự bất bình đẳng về của cải, tài sản danh vọng, địa vị... tạo nên một cách biệt quá lớn giữa cộng đồng nhân loại. Cũng là con người, nhưng có người lại sống như tiên (*tạm gọi như vậy*) - như vua chúa, các ông hoàng, hoàng hậu, vương phi, công chúa, các đại phú gia địch quốc, các đại doanh gia tỷ phú! Nghe nói rằng, đôi khi một bữa ăn sáng của họ bằng ba năm khẩu phần ăn của người nghèo. Tạm so sánh như vậy để biết rằng, giữa người và người mà vật thực, sàng tọa, y áo, thuốc men - đã cách biệt xa xăm, vời vợi như đỉnh núi và đáy biển, như bắc cực và nam cực - huống hồ là Cõi Người và Cõi Trời!

Có khá nhiều bài khi, rất phổ thông, đức Phật có giảng giải nội dung lời phúc chúc mà chư tỳ khuru thường đọc tụng sau buổi lễ trai tăng hoặc đặt bát cúng dường. Ấy là cầu mong cho chư thí chủ được: *Sắc đẹp, sống lâu, an vui, sức khỏe*. Ta thử tìm hiểu 4 điều ấy ở nơi Cõi Người và Cõi Trời như thế nào?

- *Sắc đẹp*: Sắc thân của con người được kết hợp bởi tạp chất tứ đại thô tháo, trọc, nặng, đục, bần, dơ, hôi... Sắc thân chư thiên được kết hợp bởi tinh chất tứ đại vi tế, thanh, nhẹ, trong, sạch, thơm... Họ đẹp, cái đẹp ấy chúng ta cũng khó mà tưởng tượng được. Ở đây xin lạc

ra ngoài đề một chút mới thắm thía cái mà chúng ta gọi là “*không thể tưởng tượng*” được ấy.

“*Chắc có người còn nhớ chuyện ông hoàng Nandā si tình vị hôn thê, một công nương mỹ miều, kiều diễm, trong thời gian đức Phật “bắt” xuất gia tỳ khuru! Biết ông hoàng tân tỳ khuru này chưa quên được mỹ nhân trong mộng của mình, đức Phật sử dụng thần thông phương tiện rủ Nandā đi chơi Cõi Trời Dao Lợi. Lướt giữa không gian, khi qua một đám rừng bị cháy, đức Phật cố ý cho tỳ khuru Nandā trông thấy một con khỉ cái cụt đuôi, long cháy xém lỗ nhỏ lỗ loét da thịt, trông rất kinh tởm, đang ôm một thân cây cháy đen, cố bám víu sự sống. Đến Cõi Trời Dao Lợi, Ôi chao! Tiên nữ đầu mà tiên nữ lấm thề! Thướt tha là lướt, vóc ngọc dáng ngà, yêu kiều...mà cô nào cũng độ tuổi trăng tròn, đào tơ, sen ngó. Nandā đứng như trời trồng mà ngắm, chết sững. Đến một cung điện nguy nga tráng lệ, gấp triệu lần thế gian, ở đâu cũng lấp lánh bảy báu. Vào trong Nandā thấy một chiếc ngai thất bảo chưa có ai ngự ở trên, có 500 tiên nữ đang đứng hầu. 500 tiên nữ này từ phục sức xiêm y, trang điểm cho đến sắc đẹp đều làm cho trắng hoa và bảy báu lu mờ. Nandā đứng chết thêm một lần nữa. Lát sau, bạo gan, bạo phổi, Nandā rụt rè cất tiếng hỏi*”

- *Trên chiếc ngai trân quý kia, tại sao chưa có vị thiên tử nào ngồi, hả quý tiên nương?*

Một cô tiên nhỏ nhỏ, cất giọng du dương, thánh thót đáp:

- *Dạ thưa! Chúng thiếp đang chờ hầu để đợi một người từ hạ giới sắp sanh lên.*

- Ai vậy? Ai mà được điểm phúc kinh khiếp như vậy hả quý tiên nương?

- Dạ thưa! Chúng thiếp nghe nói là tỳ khuru Nandā đang tu hành tinh tấn trong giáo pháp của đức Sākya Gotama.

Bước ra khỏi sân diện rồi mà trái tim của ông hoàng tỳ khuru đang còn nháy loạn trong lồng ngực. Lúc ấy tiếng nói dịu dàng của đức Phật thoảng nhẹ bên tai:

- 500 tiên nữa ấy có đẹp không, Nandā?

- Dạ! họ đẹp lắm, đẹp cực kỳ, không thể nói được.

- Họ đẹp có thể so sánh với vị công nương hôn thê của ông trước đây được chăng?

- Làm sao mà so sánh được, bạch đức Thế Tôn! Khi mà đã thấy 500 vị tiên nữ này rồi thì vị hôn thê kiều diễm trước đây của đệ tử trông giống như con khỉ cái bị cháy đen thui trong khu rừng nọ.

- Nếu ông cố gắng tu tập - đức Phật phương tiện nói - thì Như Lai hứa, cái ngại thất bảo ấy là của ông và ông sẽ được luôn 500 cô tiên nữ mỹ miều ấy!”

Chuyện không kể tiếp vì còn dài. Chỉ biết về nhân gian, tỳ khuru Nanda nỗ lực tu hành với mục đích “hoạch đắc” 500 cô tiên nữ, nhưng sau đó, cảm thấy mục đích kia quá phàm phu, quá thấp thỏi, quá hạ liệt nên ông đã chuyển hướng tâm. Cuối cùng cũng giác ngộ giải thoát. Tuy nhiên, chuyện muốn bàn ở đây là sự so sánh sắc đẹp của mỹ nhân thế gian Cõi Người và Cõi Trời. Hình ảnh con khỉ cái cụt đuôi bị cháy xém lở loét hiện ra và còn lại trong tâm trí chúng ta. Sắc đẹp mỹ nhân của Cõi Người. Ôi! Sao mà thê thảm đến vậy! Vì quá thê thảm nên “mỹ nhân thế gian” thường tô điểm, điểm trang bên ngoài cái thân nặng nề, đục vẩn, hôi hám ấy nào là

xiêm y diêm dứa, lông lầy, nào là áo quần diêu nọ, mốt kia, nào là vàng ngọc, hột xoàn, kim cương, son môi, kem dưỡng da, phấn sáp dầu thơm, nước hương nước hoa... Còn chư thiên họ không cần, họ vốn tinh sạch và thơm tho rồi. Riêng nước da của họ vốn đã tự phát sáng chứ cần gì kim cương, hột xoàn! Nghe nói là có vị tỏa sáng một màu, hai màu, ba màu hoặc nhiều màu trộn lẫn. Có vị lại tỏa hòa quang, hào quang trắng, hào quang hồng, hòa quang xanh, hào quang màu lục bảo... Có khá nhiều người đọa trong kinh, chắc còn nhớ, mỗi lần chư thiên, phạm thiên từ các Cõi Trời xuống Kỳ Viên, xuống núi Linh Thứu, xuống Vệ Xá, xuống Trúc Lâm... để đánh lễ, thăm viếng, nghe pháp đức Tôn Sư thì ánh sáng, hào quang của họ sáng rực cả một vùng, lu mờ cả ánh trắng và các vị tinh tú là đủ hiểu, đủ biết thần lực cũng như phước báu thù thắng của họ ra sao rồi.

- *Trường thọ*: 50 năm ở nhân gian chỉ bằng một ngày ở Cõi Trời Tứ Đại Thiên Vương. Vậy, 100 năm tuổi thọ của con người chỉ bằng hai ngày ở cõi Tứ Đại Thiên Vương. Tuổi thọ trời Tứ Đại Thiên Vương là 500 năm tuổi Cõi Trời tương đương 9 triệu năm ở cõi người.

- *An vui*: Cõi người vui thì ít khổ thì nhiều, an thì ít mà bất an thì nhiều. Ngoài ra, hàng trăm, hàng ngàn sầu, bi, ưu, não cứ vây chụp, bao phủ số phận của con người. Tuy nhiên nếu biết tu tập, có tâm và quý, biết làm việc lành thì tâm ta sẽ có được sự mát mẻ an vui. Còn Cõi Trời thì khỏi nói ai có sinh lên đó rồi thì an vui cả đời, vui chơi cả đời, hát ca, tiệc tùng, ong bướm cả đời ... chẳng có gì để phải lo lắng, sợ hãi cả. Các Cõi Trời không có động đất, bão lũ, rừng cháy, nhà cháy, không có tai ương, dịch bệnh, chiến tranh (*Ngoại trừ Đạo Lợi có một trận với A Tu La*), không có xì ke, ma túy, trộm cắp, không có cảnh cha con, vợ chồng, anh em, bạ hữu... đâm chém nhau, không có cảnh sát, nhà tù, trại cải tạo,

trai dưỡng lão, không có bệnh tâm thần, điên loạn, không có tham nhũng, hối lộ, móc ngoặc, thủ đoạn lừa gạt tiền tài, tình nghĩa, không có tuổi già với hàng trăm hàng ngàn loại bệnh. Tại sao vậy? Vì từ khi sanh thiên cho đến hết tuổi thọ, các cô gái tiên, các chàng trai tiên chỉ khoảng 16 tuổi, và cứ mang mãi cái thanh xuân ấy cho đến hết đời mình. Họ không có da nhăn nheo, má hóp, tóc bạc, răng rụng, lưng còng. Họ chỉ “chết” khi ấy trên thân thể mình phát sanh 5 hiện tượng: *Cơ thể rịn mồ hôi, hoa trang điểm trên người mau tàn, mặc chiến thiên bào nào cũng nhợt nhạt, cử động tay chân dường như không còn khí lực, và cuối cùng không còn cảm giác ưa thích dục lạc của Cõi Trời nữa.* Thế đó, vậy chúng ta hãy nuôi dưỡng hai pháp tâm quý, tu tập các thiện pháp, chưa thành tựu gì ghê ghớm nhưng cũng lên được các Cõi Trời mà hưởng phước quả cho sướng.

- *Sức khỏe:* Ở đây hàm chỉ vô bệnh và sức mạnh thể chất. Cứ đọc lại phần “*An vui*” ở trên: Không có bệnh tật gì và an hưởng tuổi thanh xuân trọn đời thì biết Cõi Trời có sức khỏe như thế nào.

Vậy, câu cầu chúc bốn điều hạnh phúc mà chư tăng tụng đọc trong các cuộc lễ, hàm mang biết bao tâm từ ái, bi mẫn đến cho chư thí chủ: *Nguyện cầu chư vị được hạnh phúc Cõi Người và sau đó là hạnh phúc Cõi Trời.* Hạnh phúc hữu vi này, cho dầu đối với bậc thánh, nó là tạm bợ, phù du nhưng đối với chúng sanh nhiều tai ương, khổ nạn này. Ôi! Cần biết bao.

Nói tóm lại, một số nội dung về Cõi Trời được giảng nói ở trên, đa phần tương ứng với chư thiên ở sáu tầng trời Dục Giới. Còn phạm thiên Sắc giới và Vô sắc giới nữa, tuy vẫn được gọi chung là chư thiên, nhưng có rất nhiều thứ hạng, cao thấp, uy lực, nhân, quả cũng như phước báu các tầng trời đều khác nhau. Chư thiên là nghĩa rút ra từ chữ *Devatā*. Bây

giờ, chúng ta hãy khảo sát nội hàm của nó chữ *Devatā* ấy nó có cả thảy bao nhiêu nghĩa?

Devatā do nơi chữ *Diva* (cung trời) theo bộ *Sadda Niti* nó có cả thảy 8 nghĩa, trong câu Pāli: *Kīlā vijitaṃ sābyavahā rajuti thuti khanti gati sattīsuti divudhātu vattati*. 8 nghĩa cô đọng ấy là: *chơi, thắng, nói, rục rờ, khen, muốn, đi, có thể*.

Từ 8 nghĩa có vẻ như khó hiểu ấy chú giải nói rộng ra một chút nữa:

- 1- *Kilaāti kilanā*: Sự chơi, vui chơi, cách chơi.
- 2- *Vijitiṃ sāti riyajina*: Sự thắng, cách thắng, cầu mong thắng.
- 3- *Byavahāroti vohāro*: Sự nói, cách nói (diệu ngôn, mỹ ngôn, phương tiện nói).
- 4- *Jutī soghā*: Sự rục rờ, sáng, chói sáng.
- 5- *Thutīti thomanā*: Sự khen cách khen ngợi.
- 6- *Kantīti kannanīyati*: Sự cầu, cách cầu, mong cầu.
- 7- *Gatīti gamanaṃ*: Sự đi, cách đi, thiện hành.
- 8- *Satīti samattiyam*: Sự có thể, khả thể, khả năng, năng lực.

Với trọn vẹn 8 nghĩa này, nếu được giải thích rộng rãi thêm thì nó sẽ bao hàm tất thảy ý nghĩa của Cõi Trời - trong đó, còn có một chút liên hệ Cõi Người, liên hệ Phật Thanh Văn Giác, Phật Độc Giác và Phật Toàn Giác nữa.

B- Trích giảng:

Để cho chư thiện nam tín nữ cũng như một số bà con muốn tìm hiểu thấu đáo về nhân, quả, tâm cảnh của các Cõi Trời, tôi sẽ chia tiết mục, thứ lớp cho dễ nắm bắt, như sau:

I- Trích kinh chữ Pāli để giảng giải 8 nghĩa của Devatā.

II- Một số chi tiết về chư thiên và các Cõi Trời

- 1- Ba hạng chư thiên và trú xứ tương ứng.
- 2- Giải thích 26 tầng trời.

III- So sánh

- 1- So sánh tuổi thọ Cõi Người và Cõi Trời.
- 2- So sánh tuổi thọ chư thiên và địa ngục.
- 3- Khoảng cách từ Cõi Người đến các Cõi Trời và khoảng cách giữa các Cõi Trời với nhau.

IV- Trú xứ và cảnh giới:

- 1- Về Tứ đại thiên vương.
- 2- Về cung trời Đao Lợi.
 - 2.1- 7 danh hiệu của Đế Thích thiên chủ.
 - 2.2- Pháp và nhân sanh lên Cõi Trời.
 - 2.3- Cảnh giới.
 - 2.4- Kiếp trước của trời Đế Thích và các bà vợ.
 - 2.5- Câu chuyện về rượu trời và địa giới Atula thiên.
 - 2.6- Cuộc chuyển hóa ngoạn mục của nàng Sujātā (cô vợ út xinh đẹp của Đế Thích)

I- Trích kinh chữ Pāli để giảng giải 8 nghĩa của Devatā:

1- Sự chơi, cách chơi, vui chơi: Có câu “*Dibbanti kilāṇṭi atano visaye issariyaṃ kabāntīti (?) deva rājāno*”: Ở đây có nghĩa khái quát là các đức vua ở Cõi Người, vì do phước báu sang cả, họ ở địa vị độc tôn, uy quyền hiển hách, phú quý tốt

bậc nên có nhiều cuộc giả trí, lắm trò vui chơi tiêu khiển dục lạc đệ nhất thế gian. Họ cũng được gọi là *Devatā* chư thiên.

Có câu khác nữa: “*Dibbanti kilaṇṭi pañcahi kāmagaṇe hīti devā cātummahārājikādayo*”. Ở đây hàm chỉ phước báu của chư thiên thuộc Cõi Trời Tứ Đại thiên vương. Họ hưởng thọ ngũ dục sung mãn nên tha hồ chơi, vui chơi, lắm cách chơi. Chắc hẳn “*Cuộc chơi*” của họ thú vị gấp trăm ngàn lần “*Các ông vua, chư thiên cõi người*”.

2- *Sự thắng, cách thắng, cầu mong thắng*: Thắng là thắng cái gì? Ai thắng ai? Ta có câu: “*Paṭipakkheviletuṃ icchantīti devā cātummahārājikādayo*”. Ở đây phải được hiểu là thắng kẻ nghịch, thắng những tâm địa địa ngục, nga quỷ, súc sanh, atula, người, thắng những việc ác, điều ác để làm các công đức, điều lành. Cũng hàm chỉ trời Tứ đại thiên vương.

3- *Sự nói, cách nói*: Chắc hẳn các vị trời Tứ đại thiên vương do có nhân khẩu ý tốt lành nên họ biết lúc nào nói, điều gì nên nói và điều gì không nên nói, và cách nói như thế nào để đem đến lợi ích cho mình và cho thế gian - mà họ hằng hộ trì. Câu Pāli sau đây nó nằm trong nghĩa như vậy: “*Lokassa yutāyuttaṃ voharamīti devā cātum mahārāji kādayo*”.

4- *Sự rực rỡ, sáng, chói sáng*: Phải được hiểu là sắc thân trời Tứ đại thiên vương xinh đẹp, cao sang, phát sáng, rực rỡ ánh sáng, đúng như câu Pāli chú giải: “*Paramāya sarīrajūtiya jotanaṭīti devā cātummahārājikādayo*”.

5- *Sự khen, cách khen ngợi*: Ai làm điều lành, điều tốt, điều hay thì được các bậc thiện tri thức khen ngợi, chư thiên khen ngợi. Ai tích lũy thiện nghiệp, công đức được phước báu sanh thiên đều được khen ngợi. Ở đây ta phải hiểu rộng ra, chư thiên trời Tứ đại thiên vương không những tán thán, ca ngợi bằng lời mà còn cả rải hoa, rải hương và cả tấu nhạc

(Ví dụ một thời pháp hay, một người nghèo khổ mà làm được một phước sự hi hữu). Câu chữ Pāli cũng nằm trong ý nghĩa đó: “*Gaphayatthikehi thopyantīti devā cātummahārājīakādayo*”.

6- *Sự cầu, cách cầu, sự mong cầu*: Câu chữ Pāli: “*Daṭṭham ca sotum ca sobhāvise ayegena gamiyantīti devā...*”. Do cảnh giới chư thiên tốt, đẹp và chư thiên cõi trời Tứ đại thiên vương có nhiều năng lực, thần lực nên nhân gian muốn thấy, muốn nghe, muốn biết; và là nơi cho họ mong cầu, ngưỡng cầu, gửi gắm ước mơ, nguyện vọng.

7- *Sự đi, cách đi, thiện xảo cách đi*: “*Yathicchitamjhāna paṭighātagamānena gacchantīti devā cātummahārā Jikā dayo*”. Chư thiên cõi trời Tứ đại thiên vương muốn đi đó, đi đây, họ bay bằng thần lực nên vô ngại mọi khoảng cách không gian.

8- *Sự có thể, khả năng, năng lực*: “*Āmibhāva sampattiyā tam tam kiccaṃ nipādetum sakkonti devā cātummahārā jikādayo*”. Chư thiên cõi trời Tứ đại thiên vương có khả năng làm cho thành tựu mọi ý nguyện, ước nguyện cho con người, ví dụ: Hồi hướng phước, hộ trì nhân gian.

Tóm lại, 8 câu trích dẫn và giảng giải ở trên, đặc biệt chỉ nói đến chư thiên hóa sanh lên cõi trời do phước, bởi phước báu, phước quả được gọi là “*Upattidevatā*” *Chư thiên do phước sanh*

Còn một hạng *chư thiên do pháp sanh* nghĩa là do sự hành trì giới định tuệ, đạt được tâm trong sạch, thanh tịnh như vậy được gọi là: “*Visuddhi devā*” - *Thanh tịnh thiên*- hàm chỉ về chư Phật Toàn Giác, Phật Độc Giác, Phật Thanh Văn Giác. Trường hợp này, 8 nghĩa của Devatā được giải thích kiểu khác:

1-*Sự chơi, cách chơi*: Câu chữ Pāli như sau: “*Dibbanti kialaṅṅanti panamāya jhāna kiḷāyāti devā visuddhi devā*”. Ý chỉ là các ngài chơi bằng món chơi thiền định. Do định lực thâm sâu, thuần thực, vào ra các tầng thiền như ý muốn; đôi khi các ngài vào định để nghỉ ngơi hoặc sử dụng nó để hóa độ chúng sinh nên gọi là chư thiên, là Thanh Tịnh Thiên.

2-*Sự thắng, cách thắng*: Ở trong câu: “*Vijetaṃ icchanti paṭipakkhanti devā visuddhi devā*”. Có nghĩa là các vị ấy đã chiến thắng tất cả mọi nghịch pháp, chiến thắng tất cả mọi phiền não nên được gọi là chư thiên, Thanh Tịnh Thiên.

3-*Sự nói, cách nói*: Câu chữ Pāli: “*Paramasukkhu maññā na visesa visayaṃ atthaṃ roharantīti devā visuddhi devā*”. Không những các ngài có sự nói, cách nói giống chư thiên (ở trên) mà còn nói được những pháp vi diệu, phi thường do tuệ giác chứng nghiệm vượt ngoài sự thấy biết của lý trí và trí năng thế gian; do vậy, được gọi là chư thiên, Thanh Tịnh Thiên.

4-*Sự rục rỡ, sáng, chói sáng*: Được lấy ý từ câu: “*Jotamti sabbakilesadosakalalāparama visuddhāya jhāna jutiyāti devā*”. Hàm nghĩa là, các vị trời Tứ đại thiên vương hoặc cả năm tầng trời cao hơn do phước báo nên sắc thân của họ rục rỡ chói sáng. Nhưng chư Phật, Độc Giác, Thanh Văn – sự rục rỡ chói sáng và cả hào quang nhiều sắc màu vi diệu của các ngài là do năng lực của thiền định nên cũng gọi là chư thiên, là Thanh Tịnh Thiên.

5-*Sự khen ngợi, cách khen ngợi*: Lấy ý ở trong câu: “*Thomiyanti viññātasabhāvehi paranimmalaguṇavisesa yogatoti devā visubbhi devā*”.

Sở dĩ gọi là chư thiên, Thanh Tịnh Thiên, là do các ngài đã chứng đạt tuệ giác tối thượng, các thắng trí vi diệu, mọi khả năng ngôn ngữ biện tài nên người và trời thường tán thán, ca

ngợi những đức tính phi thường ấy. Riêng đức Phật Toàn Giác còn có 9 hồng danh³.

6-*Sự cầu, cầu nguyện, cầu mong*: Từ câu Pāli “*Kāmiyanti anuttara puññakkettatāya daṭṭhum pūji tuñcāti devā visuddhi devā*”. Được gọi là chư thiên, Thanh Tịnh Thiên, do con người muốn thấy, muốn nghe, muốn biết, và họ đặt tất cả mọi sở vọng, sở cầu, muốn cung kính, đảnh lễ, cúng dường vì các ngài là phước điền cao thượng.

7-*Sự đi, cách đi, thiện xảo trong cách đi*: Từ câu Pāli: “*Gacchanti amatamahānibbānaṃ apañcāgamanīyāya gatiyati devā visuddhi devā*”. Các ngài quả là thiện xảo, thiện hành vì đã đi đến nơi Vô sanh Bất diệt đại Niết bàn, không còn trở lại cõi tham sân si, phiền não nữa nên gọi là chư thiên, Thanh Tịnh Thiên.

8-*Sự có thể, khả năng, năng lực*: Câu Pāli: “*Sakkhanti cittavāraṃ ñatvā saggehite niyo jetuñca amatamahānibbānasukhe paṭiyāpetumti devā visuddhi devā*”. Được gọi là chư thiên, Thanh Tịnh Thiên; vì quý ngài có khả năng thấy biết trình độ tâm của chúng sanh; rồi cũng có khả năng hướng dẫn họ tu tập đem đến lợi lạc, an vui, thành tựu những đức tánh cao đẹp, cuối cùng là quả Vô sanh Bất diệt đại Niết bàn.

II- Một số chi tiết về chư thiên và các Cõi Trời:

1-Ba hạng chư thiên và trú xứ, cảnh giới:

Theo ý nghĩa đã trích dẫn và giảng giải chúng ta vừa đi qua thì chư thiên, *devā, devatā* sẽ được phân chia thành 3 hạng sau đây:

³ 9 hồng danh: A la hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Thế Tôn.

1- *Samati Devatā*: Chư thiên theo kiểu lạm xưng, tự tôn xưng như các đấng vua xưa nay, là Thiên Tử tức con trời. Tuy nhiên, do phước báu quá khứ, được sanh làm vua, thì sự thụ hưởng ngũ dục của họ là đệ nhất ở thế gian, cũng được xem là ông trời nhỏ nhỏ rồi. Và đời sống phú túc, thịnh mãn các nhu cầu vật chất của hoàng hậu, vương phi, hoàng thân, thái tử, hoàng tử, công chúa... cũng tạm coi như Cõi Trời vậy. Họ ở Cõi Người, cảnh hữu phúc Dục giới.

2- *Upatti Devatā*: Chư thiên hóa sanh trong 26 tầng trời, gồm đầy đủ Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Chư thiên Dục giới thì ở 6 cảnh giới Dục giới tương ứng. Tuy nhiên, có hạng chư thiên bậc thấp thuộc “*cư dân, binh lính*” của Tứ đại thiên vương như chư thiên ở núi (*Son thần*), chư thiên ở cây cối (*Thọ thần*), chư thiên ở sông (*Giang thần*), chư thiên ở biển (*Hải thần*), chư thiên ngự đầu đó trên địa cầu (*Địa tiên*)... Ngoài ra, còn có chư thiên ở vườn, ở nhà, chùa tháp, cốc liêu, hang động, suối khe... nữa họ đều ở gần gũi với con người.

3- *Visuddhi devatā*: Thanh Tịnh Thiên nói đến các bậc lậu tận, đã chấm dứt phiền não đây là chư Phật Toàn Giác, Phật Độc Giác, Phật Thanh Văn Giác. Trú xứ của các ngài lúc còn thân xác hữu vi bao giờ cũng ở Cõi Người. Có trường hợp các vị A na hàm đặc định tứ thiên thì trú xứ tại Ngũ Tịnh Cư rồi Niết bàn luôn ở đây.

2- Giải thích 26 tầng trời:

Trong *Sāleyyaka sutta*, đấng Thế Tôn có thuyết về 26 tầng trời như sau:

1- *Cātummahārājikā* : Tứ đại thiên vương

2- *Tāvatisa* : Đạo Lợi thiên

3- *Yāmā* : Dạ Ma thiên

- 4- *Tusita* : Đâu suất đà thiên
 5- *Nimmāmuratī* : Hóa lạc thiên
 6- *Paranimmitavasavatī* : Tha Hóa Tự Tại thiên
 Trên đây là 6 Cõi Trời Dục giới.
- 7- *Brāhma parisajjā* : Phạm chúng thiên
 8- *Brāhma purohita* : Phạm phụ thiên
 9- *Mahābrāhma* : Đại phạm thiên
 Là ba cảnh giới tương ứng Sơ thiên
- 10- *Parittābhā* : Thiếu quang thiên
 11- *Appamāṇābhā* : Vô lượng quang thiên
 12- *Abhassara* : Quang âm thiên
 Là ba cảnh giới tương ứng Nhị thiên.
- 13- *Parittā subhā* : Thiếu tịnh thiên
 14- *Appamāṇa subhā* : Vô lượng tịnh thiên
 15- *Subhā kinṇā* : Biến tịnh thiên
 Là ba cảnh giới tương ứng Tam thiên
- 16- *Asaññā* : Vô tưởng thiên
 17- *Vehapphalā* : Quảng quả thiên
***Suddhāvāsā* : Tịnh cư thiên**
- 18- *Avihā* : Vô phiền thiên
 19- *Atappā* : Vô nhiệt thiên
 20- *Sudassa* : Thiện kiến thiên
 21- *Sudassī* : Thiện hiện thiên

22- *Akaṇiṭṭhā* : *Sắc cứu cánh thiên*

Tịnh cư thiên gồm 5 cảnh trời là nơi chốn mà các vị thánh Bất Lai có định tứ thiên vững chắc thường hóa sanh đến kinh gọi là Ngũ tịnh cư thiên (*Sẽ giải thích thêm ở phần sau*)

23- *Ākāsaṇāṅcāyatana* : *Không vô biên xứ thiên*

24- *Viññāṇanaṅcāyatana* : *Thức vô biên xứ thiên*

25- *Ākiñcaññāyatana* : *Vô sở hữu xứ thiên*

26- *Navasaññānāsaññāyatana* : *Phi tướng, phi phi tướng xứ thiên.*

Giải tóm tắt về 26 cảnh trời nêu trên:

*** Dục Giới:**

1- Tứ đại thiên vương: Do đức Phật thuyết như vậy:

“Cātunnaṃ rahārājānaṃnivāsanaṭṭhāna bhūta catum mahā rajo bhavāti”. Sở dĩ gọi vậy là vì cảnh giới ấy có bốn vị thiên vương ở.

“Dhataratṭhavirūḷhaka virūpakkaha kuverasankhatā cattaro ahārājanotha casantīti cātummahārājikā”. Bốn vị thiên vương đó là: Dhataratṭha, Virūḷhaka, Virūpakkha và Kuvera - nên gọi là Tứ đại thiên vương.

2-Đao Lợi (Cõi Trời 33): Được lấy ý từ câu kinh văn: *“Tettiṃsa sahapuñña karino attha nibbātāti taṃ sahaca ritam thānaṃ tettiṃsaṃ tudevā tāvattiṃsaṃ taṃ nivāso etesanti tavattiṃsa”*: Sở dĩ gọi Cõi Trời 33 do một sự tích có 33 người cùng làm phước sự nên đồng sanh lên ở đấy.

Apica tāvatimsatiṃsāti tesam devānaṃ nāmaeva: Lại nữa, Cõi Trời 33 còn Đạo Lợi thiên vì là cái tên của chư thiên đó vậy⁴.

Ghi chú thêm: Tứ đại thiên vương được xem như 4 vị thiên tướng hộ trì bốn châu thiên hạ nằm dưới quyền lực của trời Sākya (*Đế Thích tiên chủ*). Vậy cả hai cõi trời này chỉ có một vị vua, ấy là trời Đế Thích mà nhân gian thường gọi là Indra hay tôn danh là Ngọc Hoàng thượng đế.

3-Dạ Ma: Từ câu Pāli: “*Dibbasukhaṃ yata payātā sampat tati yāmā*”. Gọi là Yāmā vì ai làm được nhiều việc lành thì đi đến cõi trời có nhiều thiên lạc này. Vua cõi trời này tên là Suyama

4-Đầu Suất: Từ câu đức Phật thuyết: “*Tutthā pahaṭṭhāti tusita*”. Là cõi trời nhiều niềm vui, nhiều thích thú, lắm điều thỏa thích hoan hỷ. Vua cõi trời này là Santussita.

5-Hóa Lạc: Từ câu đức Phật Thuyết: “*Pakati paṭiyatthāramaṇato atirokona ramitukamalale yathā ruciye kāmabhogenimmi nitva ramanṭīti nimmānarati*”. Đại ý là, chư thiên cõi này do nhiều phước quả nên tự ý “*hóa ra những lạc thú*” tùy nghi mà họ dụng như ý nguyện. Có nghĩa là, trong những món dục lạc như ăn uống, trang phục, vui chơi, họ ưa cái gì là tự biến hóa ra cái ấy một cách dễ dàng cho nên gọi là Hóa Lạc Thiên. Vua cõi này là Nimmita.

6-Tha Hóa Tự Tại: Từ câu Pāli: “*Cittavāraṃ nātāparehi nimmitebu bhogesū vasaṃ vattentīti paranimmitavasatī*”. Đại

⁴ Thật ra Đạo Lợi không có ý nghĩa gì cả mà do vừa phiên âm vừa gọi tắt lâu ngày mà ra. Nếu Pāli gọi Tāvatiṃsa (33) thì Sanskrit là Trāyastriṃsa mà họ phiên âm là Đát-lị-da-đát -lị-xa. Do phiên âm vậy cũng còn dài, khó nhớ, khó học, họ nói tắt là Đát-lị-da, sau đó chỉ còn Đát-lị, rồi đọc trại thành Đạo-lị (Đao lỵ hoặc Đạo Lợi cũng giống nhau)

ý, cõi này “*hóa lạc*” còn cao hơn một bậc, nghĩa là có thể biến hóa ra lâu đài, mỹ nữ, bất cứ ngũ trần nào để thọ hưởng một cách tự tại vô ngại nên gọi là Tha Hóa Tự Tại thiên⁵. Vua cõi này có tên là Vasavatī, là Đại ma vương (Mahāmara). Tuy nhiên, có nơi nói rằng, cõi trời này có hai vị vua, một là Vasavatī, chúa chư thiên cõi này. Còn Mara Ma vương có cung điện riêng, lạm danh xưng, tôn là vua. Chính đại ma vương này còn được gọi là Ma-Ba-Tuần (*pāpiya*)- ông này hay quấy phá Đức Phật, chư tăng ni, sau thỉnh Đức Phật Nhập Diệt.

Trên đây là 6 Cõi Trời Dục Giới, chư thiên ở đây họ hưởng ngũ dục như con người, cả sắc thân và ngũ trần đều là vật chất nhưng chúng vi tế, tinh sạch hơn cõi người rất nhiều. Có thể xem đây là cõi Dục vật chất thịnh mãn, thọ hưởng dục lạc ngũ trần mà thế gian không thể so sánh được.

Giải thích thêm:

Về nguyên nhân sanh phước:* Tất cả 6 Cõi Trời Dục giới nêu trên, nguyên nhân hóa sanh lên đều do phước cả. Ví dụ: tùy thuộc cấp độ, toàn mãn hay không toàn mãn về **tín (*đức tin*), **giới** (*ngũ giới, bát quan trai giới*), **văn** (*nghe pháp*), **thí** (*bố thí, cúng dường*), **tuệ** (*biết nhân quả, thiện ác*). Phước báu này cũng có thể phát sanh từ 10 nguyên nhân sanh phước: *Bố thí, trì giới, tham thiền, cung kính, phục vụ, hồi hướng, công đức, tùy hỷ công đức, thuyết pháp, nghe pháp, chuyên tà kiến thành chánh kiến*. Cũng có thể tu tập 10 nghiệp lành...Đúng là có vô vàn thiện sự để sanh lên các Cõi Trời nhưng quan trọng nhất là hai pháp *tàm* và *quý*, bỏ ác làm lành đã là điều kiện cần và đủ.

⁵ Cũng có cảnh giải thích khác: *Mượn lạc cụ của cõi trời khác mà tự tại du hí, vui chơi (Lấy ý từ điều Đoàn Trung Côn).*

* *Về phước vật*: Phước còn tùy thuộc vào vật trân quý hay hạ liệt, vật thí thuộc chánh mạng hay không chánh mạng, tâm hoan hỷ hay không hoan hỷ, có trí hay không có trí, tà kiến hay không tà kiến... (*Trường hợp vật thô xấu nhưng người cúng dường có tâm cung kính, trân trọng, hoan hỷ, thỏa thích, trong sạch thì phước quả vẫn thù thắng*).

* *Về tượng thọ thí*: Phước còn tùy thuộc vào người thọ thí là Phật, Độc Giác, Thanh Văn, Tăng, tập thể thí, cá nhân thí, thánh, phàm, có giới, không giới, người hiền lương, người độc ác. Thú vật hiền lành hay thú vật hung dữ... mà sanh ra quả phước khác nhau. Bao giờ, người người thọ thí có giới, có định, có tuệ, tứ vô lượng tâm... phước quả cũng thù thắng hơn. Đa phần người nghèo khổ, bệnh hoạn, tật nguyền - không có giới - và thú vật thì phước rất ít, do nghiệp dữ còn vận hành và tác dụng nơi thân tâm chúng.

* *Về sự khoái lạc nhục dục*:

- Chư thiên cõi Tứ đại thiên vương và Đạo Lợi thiên lúc yêu nhau có hành động giao hợp tương tự cõi người.

- Chư thiên cõi Dạ Ma thì chỉ lấy tay sờ vào thân tiên nữ thôi, là coi như đã có khoái lạc giao hợp.

- Chư thiên cõi Đâu Suất, chỉ nắm tay tiên nữ thôi là coi như đã có khoái lạc giao hợp.

- Chư thiên cõi Hóa Lạc, nhìn tiên nữ mỉm cười thì coi như đã có khoái lạc giao hợp.

- Chư thiên cõi Tha Hóa chỉ đưa mắt nhìn tiên nữ thì coi như đã giao hợp, nhưng ở đây lại không có xúc sinh khoái lạc.

* **Sắc Giới**:

Trên cõi Dục là cõi Sắc. Từ đây trở đi, các vị trời đã chán mửa dục vật chất vì thấy chúng là cái ổ của tham, sân, si, phiền não nên chỉ muốn tìm an vui, hạnh phúc nơi các trạng thái tinh thần - nó nhẹ nhàng và thanh lương hơn – đây là các trạng thái hỷ, lạc, xả của thiên định. Họ lấy 1 trong 40 đề mục thiên định đề tu tập, lần lượt làm lắng dịu 5 triền cái (*hôn trầm, thụy miên, nghi, sân, trạo hối, dục*), 5 thiên chi xuất hiện (*tâm, tứ, phi, lạc, nhất tâm*) chúng đạt đạt các bậc thiên từ cạn vào sâu, từ thấp lên cao: Ấy là sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên sắc giới.

* *Một ví dụ về đề mục sắc giới đất (kasina đất)*: Người ta lấy một cái khuôn hoặc cái bát có dạng hình tròn, đường kính độ 25 cm, dùng tinh chất đất sét màu nhồi thật nhuyễn rồi trét bằng. Vật ấy được gọi là sơ tướng (*parikama nimitta - tướng chuẩn bị khởi đầu, ban đầu*). Người tập thiên ngồi và nhìn chăm chú đối tượng sắc pháp (*sơ tướng*) cho đến khi nhắm mắt lại vẫn có thể thấy hình tròn sáng của bát đất. Thường thì hình tròn sáng của bát đất hiện ra một lúc, mờ dần rồi mất hẳn. Người tập thiên phải mở mắt ra và chú tâm chuyên nhất nhìn bát đất trở lại. Cho đến khi nhắm mắt lại mà bát đất vẫn thấy bát đất vẫn hiện ra rõ ràng, đây là thô tướng (*uggahanimitta*). Gọi là thô tướng vì bát đất kia vẫn còn những dấu vết dọc ngang hoặc lồi lõm của đất sét. Từ thô tướng này, tức là từ hình ảnh tròn sáng hiện ra trong tâm ấy, người tập thiên tiếp tục chú mục, quan sát, nhìn ngắm mãi cho đến khi hình ảnh tròn sáng kia càng ngày càng sáng, sáng trong không còn một tí vết nào. Có thể hình dung mảnh trăng tròn vành vạnh giữa nền trời xanh để thấy rõ lúc “*quang tướng tựu thành viên mãn*” như thế nào. Có “*quang tướng*” này mới đi vào định, không có quang tướng hoặc quang tướng chưa *sáng trong* đúng độ không thể có định sơ thiên được.

Sau đây là ba cảnh giới của sơ thiên, sắp xếp theo tầng mức định thiên từ cạn vào sâu, từ thấp lên cao

7-Phạm chúng thiên: Từ câu: “*Mahābrāhmāṇam parisajjā paricārikāti brāham parisajjā*”. Gọi là phạm chúng thiên vì đây là cư dân, là người hầu, là đệ tử của trời Đại Phạm.

8-Phạm phụ thiên: Từ câu: “*Tesaṃpurohitabhāve thitāti brāhma purohitā*”. Các vị này là thư ký, là phụ tá, là bí thư hoặc tham mưu, cố vấn, quân sư cho trời Đại Phạm.

9-Đại phạm thiên: Từ câu Pāli: “*Vaṇṇavantāya ceva dīghā yukātāya camahanto brāhmāti mahābrāhmā*”. Đây là vị trời Đại Phạm có uy lực lớn, trường thọ và hào quang có nhiều màu sắc rực rỡ.

Nếu sơ thiên có 5 thiên chi *tâm, tứ, phi, lạc, nhất tâm* thì nhị thiên bỏ *tâm, tứ* chỉ còn lại *phi, lạc, nhất tâm*.⁶

Ba cảnh giới của nhị thiên cũng được phân định từ cạn vào sâu, từ thấp lên cao.

10- Thiểu quang thiên: Từ câu: “*Parittābhā etesanti parittābhā*”. Các vị Phạm Thiên ở cõi này tuy hào quang ít nhưng sáng trong, vững chắc⁷.

11- Vô lượng quang thiên: Từ câu: “*Appamaṇābhā etesanti appamaṇābhā*”. Chư vị có hào quang vô giới hạn, sáng trong, vững chắc.

⁶ Đây là phân chia theo Kinh, nếu phân chia theo Abhidhamma thì có ngũ thiên, theo đó, nhìn thiên có 4 thiên chi: *Tứ, phi, lạc, nhất tâm*

⁷ Tôn nghi: *Parittābhā* đúng là hào quang ít. Nhưng tại sao cảnh giới Đại Phạm (sơ thiên thuần thực) đã có hào quang nhiều màu sắc rực rỡ còn đây là Nhị thiên lại có hào quang ít? Theo chỗ chúng tôi nghĩ, có lẽ đây tuy hào quang ít thật, nhưng nó vững chắc, ổn định và sáng trong thì hợp với sự vi tế của tâm, của cảnh, của thiên hơn.

12- Quang âm thiên: Từ câu: “*Daṇḍadīpakāya acciriya etesaṃ sarīrato ābhā chijjivā patantīviya sarati visaratīti ābhassarā*”. Chư vị cõi này có hào quang từ nơi thân túa ra như ngọn lửa hoặc ngọn đèn⁸.

Nếu Nhị thiên có 3 thiên chi thì tam thiên bỏ *phī*, chỉ còn 2 là *lạc* và *nhất tâm*.

Ba cảnh giới của Tam thiên:

13- Thiểu tịnh thiên: Từ câu: “*Parittāsubhā etesanti parit tāsuhā*”. Chư vị cõi này thọ hưởng một ít niềm an lạc thanh tịnh nên gọi là Thiểu Tịnh Thiên (vì là mới vào đệ tam thiên, chưa thuần thục nên lạc tịnh chưa được bao nhiêu⁹).

14- Vô lượng tịnh thiên: Từ câu: “*Appamañāsubhā etesanti appamañāsubhā*”. Phải được hiểu tương tự như trên, nhưng lạc tịnh nhiều hơn, sâu hơn, vô hạn. Theo đó, hào quang của những vị này sáng chói hơn, trong suốt hơn và vững chắc hơn.

15- Biến tịnh thiên: Từ câu: “*Subhena obhiññā virakiññā subhena sarirappabhāvannana ekkghanā suvaṇṇa mañju sāya thapitassamajjalitakānañcacana piṇḍassasirikāti*”. Phạm thiên cõi này có lạc tịnh viên mãn bất động, có sắc thân tỏa hào quang chiếu diệu như phiến vàng ròng đựng trong hộp vàng¹⁰.

⁸ Tôn nghi: Cảnh trời thứ 11 đã có hào quang vô lượng lẽ nào cảnh 12 cao hơn nhị thiên đã thuần thục, viên mãn mà hào quang nơi thân túa ra như ngọn lửa hoặc ngọn đèn? Theo chúng tôi được biết quang là ánh sáng, là hào quang còn âm là tiếng, gong nói, có thể phạm thiên cõi này họ nói chuyện bằng ngôn ngữ hào quang, ánh sáng chăng?

⁹ Có thể giải thích kiểu khác: Cõi Trời nhị thiên, thấp nên dùng *ābhā*, ánh sáng. Nhưng đây là cõi trời tam thiên nên dùng các chữ *Subhā* có nghĩa sáng nhưng là chói sáng, đây có thể là hào quang trong sáng, thanh tịnh ít vì là nấc thấp của tam thiên.

¹⁰ Có thể là hào quang thanh tịnh, trong suốt, biến mãn.

Nếu tam thiên có hai thiên chi thì tứ thiên, bỏ *lạc* chi còn *xả* và *nhất tâm* (*tức định xả*) mà kinh thường nói là xả niệm thanh tịnh.

Bảy cảnh giới của tứ thiên:

16- Vô tướng thiên: Câu kinh văn: “*Saññāvirahitā sattāti asaññī*”. Gọi là Vô Tướng Thiên vì phạm thiên cõi này “*không có tướng*”.

Có thể giải thích rằng, khi còn ở cõi người, tu tập thiên định, chuyên nhất, tinh cần, nhưng vì nghĩ rằng, do các tướng mà sinh ra tham sân si, phiền não nên đã nhất tâm đoạn lìa các tướng. Do vậy, họ an trú vào tứ thiên Vô Tướng Định, lúc hóa sanh rơi vào cõi trời Vô Tướng này. Tức là một trạng thái “*không có tâm*”, chỉ có sự diễn tiến của sắc uẩn, còn tứ uẩn, danh uẩn (*thọ, tướng hành định oai nghi* nào, ví dụ: *ngồi, lâm tử, hóa sanh tức khắc lên cõi trời này đúng theo oai nghi đó, cũng ngồi như thế*).

17- Quảng quả thiên: Câu kinh Pāli: “*Vipulāphalā etesanti vehapphalā*”. Phạm thiên ở cõi này thọ hưởng được thắng quả thanh tịnh lớn rộng, phi thường.

Giải thích: Tứ thiên sắc giới, tùy theo năng lực định thanh tịnh - xả niệm thanh tịnh - cạn hay sâu để hóa sanh vào các cảnh giới phạm thiên tương ứng. (*Các hệ phái khác phân chia bất đồng các cảnh giới này: Ví dụ Quảng Quả Thiên 16, Vô Tướng Thiên, 17. Hữu bộ và Kinh bộ đặt Vô Tướng Thiên nằm trong Quảng Quả Thiên¹¹*). Ở đây là, cách phân chia tầng trời tứ thiên theo Thượng Tọa Bộ (*Theravāda*), theo đó, Quảng Quả Thiên 17, Vô Tướng Thiên 16. Cảnh giới này được gọi là rộng lớn vì bất cứ ai đắc tứ thiên cạn hay sâu đều được hóa sanh lên đây (*ngoại trừ vô tướng*). Ngay chính các

¹¹ Từ điển Đoàn Trung Còn.

vị thánh (*chưa phải là Bất Lai*) đặc tứ thiên có 5 năng lực Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ đồng đều cũng trú ở xứ này.

Riêng 5 cảnh trời còn lại của tứ thiên sắc giới được gọi chung là **Ngũ Tịnh Cư Thiên**, như sau:

18- Vô phiến thiên: Có câu: “*Attano sampattiyā navihāyanti na vihāyantīti*”. Phạm thiên cõi này thanh tịnh, vắng lặng, không có một phiến nào nào có thể phá hoại được phước quả định của họ.

19- Vô nhiệt thiên: Có câu Pāli: “*Na kiñci sattam tāpetīti*”. Phạm thiên cõi này, không có ai không có năng lực nào làm cho họ nóng nảy được cả.

20- Thiện kiến thiên: Lấy ý từ câu: “*Suṭṭhupassantisundara patesa dassananti sudassī*”. Phạm thiên cõi này do định lực thù thắng nên có được trí kiến rất tốt, rất đúng đắn.

21- Thiện hiện thiên: Từ câu Pāli: “*Sundarā dasanā abhi rūpā pāsākāti sudasāvā*”. Phạm thiên cõi này có sắc thân tuyệt hảo, tuyệt mỹ.

22- Sắc cứu cánh thiên: Từ câu Pāli: “*Nattettha kanitthāti akanitthā*”. Nghĩa đen là phạm thiên cõi này “*không có sắc thân nhỏ*”, chỉ có sắc thân rất lớn, rất phi thường bởi đức tính tròn đủ đều nhau cả thấy (*bhava sampati*). Hiểu cách khác, đây là cõi toàn mãn, rất ráo, tột cùng của sắc giới nên tuyệt hảo về mọi phương diện: thanh tịnh, sắc thân cũng như hào quang.

Theo Abhidhammathasaṅgaha thì Ngũ Tịnh Cư Thiên là cảnh giới của chư vị Thánh Bất Lai đặc tứ thiên thuần thực, sung mãn, các ngài đều hóa sanh lên đây, bổ túc cho đồng đều 5 năng lực Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ cắt đứt 5 thượng phần kiết sử, đắc quả Alahan rồi Niết bàn luôn tại chỗ.

Khi vừa hóa sanh, 5 năng lực Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ của các vị Thánh Bất Lai do có sự không đồng đều nên phân bố cảnh giới khác nhau như sau:

1- Vô phiền thiên: Dành cho vị Thánh Bất Lai có *Tín* sung mãn hơn *Tấn, Niệm, Định, Tuệ*.

2- Vô nhiệt thiên: Dành cho vị Thánh Bất Lai có *Tấn* sung mãn hơn *Tín, Niệm, Định, Tuệ*.

3- Thiện kiến thiên: Dành cho vị Thánh Bất Lai có *Niệm* sung mãn hơn *Tín, Tấn, Định, Tuệ*.

4- Thiện hiện thiên: Dành cho các vị Thánh Bất Lai có *Định* sung mãn hơn *Tín, Tấn, Niệm, Tuệ*.

5- Sắc cứu cánh thiên: Dành cho các vị Thánh Bất Lai có *Tuệ* sung mãn hơn *Tín, Tấn, Định, Niệm*.

Như vậy là tứ thiên Sắc giới có 7 cảnh trời phạm thiên; Vô tướng, Quảng quả và Ngũ tịnh cư thiên.

* Vô Sắc Giới:

Trên là 16 cảnh giới lấy sắc pháp làm đề mục tu tập định thiên. Từ đây trở đi, đề mục không còn là *sắc pháp* nữa mà là *vô sắc pháp*. Các vị Phạm thiên ở đây đã bắt đầu thấy chán các sắc, thấy sắc còn thô thiển, phiền não, theo đó các trạng thái tâm dần nhẹ nhàng, thanh lương nhưng chưa đến chỗ trong suốt, thanh khiết. Do vậy, họ lấy khái niệm, ý tưởng không có sắc chất và hình thể làm đối tượng, nói cách khác họ từ bỏ các sắc, chỉ còn danh, *danh khái niệm*, rồi họ chú tâm nhất như vào các “*tướng*” ấy.

Để hiểu rõ hơn các đề mục vô sắc, ta hãy trở lại “*quang tướng*” của sắc giới. Trong *quang tướng của sắc giới*, người tập thiên đã loại bỏ *sắc tướng sơ tướng* bên ngoài mà chú tâm vào *hình ảnh thô tướng* bên trong. *Quang tướng bên trong* có

được là do huân tập “*tướng*”, un đúc “*tướng*” mà thành. Đây không còn là hình ảnh của bát đất cụ thể nữa mà là hình ảnh *khái niệm* do tướng tạo ra. Bước thêm một bước nữa, người tập thiền chú mục vào *quang tướng* ấy rồi sử dụng *tướng tượng* mà *tướng tượng quang tướng*, nói rộng nó ra, cho nó tràn lan rồi đầy tràn cả hư không. Đến đây, khi thấy *quang tướng đầy ắp cả hư không* rồi, người tập thiền khởi lên ý niệm rằng: *Hư không là vô biên vô tận (vô sắc pháp)* rồi *trú định tâm vào hư không vô biên vô tận* ấy. Lúc đạt định này, nó có hai thiền chỉ *nhất tâm và xả*.

Đây được gọi là thiền vô sắc giới. Do đối tượng khác nhau mà hình thành 4 cảnh giới khác nhau.

23- Không vô biên xứ thiền: Đức Phật có nói rằng: “*Ākāśānañcāmeva āyatanam ākāśānañcāyatanam*”. Chư vị phạm thiên ở cõi này trú trong cảnh giới hư không vô biên vô tận nên gọi là *Không vô biên xứ thiền*.

Giải thích: Trú trong định thiền *Không vô biên xứ* một thời gian, người tu thiền tự quán xét rồi thấy rằng: Khi mình nghĩ *Hư không là vô biên* rồi an trú trong *Hư không vô biên* ấy thì rõ *Hư không là vô biên* ấy là do *ý tướng* tạo nên. Vậy là đã rõ, *Hư không vô biên* ấy chẳng vô biên tý nào mà chính *ý tướng, thức mới vô biên*. Vì nghĩ vậy, người tu thiền bèn lìa đối tượng, trở lại với chủ thể nhìn ngắm rồi an trú trong *ý tướng Thức vô biên* của chính mình. Chỉ có hai thiền chỉ là *nhất tâm và xả*.

24- Thức vô biên xứ thiền: Câu chữ Pāli: “*Viññāṇaṇcam āyatanam viññāṇaṇcāyatanam*”. Đại ý, sở dĩ gọi là *Thức vô biên xứ thiền* vì cõi thức ấy là vô biên vô tận, không có ngăn mé, chẳng có nơi cùng tột (*āyatana*)

Giải thích: Trú trong định này một thời gian, người tu thiền tự quán xét rằng: Hóa ra là mình còn dính mắc. Trước

thì dính vào *đối tượng*, sau lại dính vào *chủ thể*. Muốn tiến thêm một bậc nữa thì mình phải lia cả hai, cả *đối tượng* và *chủ thể*. Vậy là đến đây, người tu thiền yên trí trú vào cái cõi “*vô sở hữu xứ - không có gì cả*” (*Không năng không sở*). Chỉ có hai thiền chỉ là *nhất tâm* và *xả*.

25- Vô sở hữu xứ thiền: Câu chữ Pāli: “*Ākiñcaññaṃ āyatanam ākiñcaññā yatanam*”. Tương tự như trên – *āyatana* - ở đây là không có sự vật gì cả, “*không có gì cả*” nên gọi là Vô sở hữu xứ thiền.

- “*Nāssa kiñcananti akiñcanam*”. Không có chỗ cho sự bận bịu, và chỗ cuối cùng của tâm sanh diệt cũng không có (*do có ý niệm lia cả chủ thể*).

- “*Kiñcam appamattakam antamaso bhīṅgamattampi*”. Cho dù một chút bận bịu, dính mắc nơi chỗ cuối cùng ở nơi tâm cũng không có (*lia chủ thể*).

- “*Kiñcananti kiñcipi*”. Nghĩa là tầng trời này cố nắm giữ vững chắc cái “*không có cái gì*” làm cảnh giới.

Giải thích: Trú trong định này một thời gian, tự quán xét, người tu thiền thấy rõ rằng: Định này dẫu vi tế, tưởng là lia tất cả, hóa ra, lại tự dính vào ý niệm “*Không có gì cả*” của chính mình. Vậy muốn tiến cao hơn, muốn không còn dính mắc gì nữa thì mình phải lia luôn cả “*ý niệm không có gì cả*” ấy. Định này cũng có hai thiền chỉ *nhất tâm* và *xả*.

26- Phi tướng, phi phi tướng xứ thiền: Giải nghĩa từ câu Pāli: “*Nevasaññānāsaññāneva āyatana nevasaññānasaññā yatanam*”. Gọi là *Phi tướng, phi phi tướng xứ thiền* là vì ở đây *không có tướng* mà cũng *chẳng phải không có tướng*.

Giải thích: Do sau khi người tu thiền muốn lia ý niệm *không có gì cả* để bước lên một cảnh giới cao hơn, hy vọng

sẽ không còn dính mắc nữa. Tuy nhiên, lấy cái gì mà lia? Phải chăng, phải lấy *ý niệm* mà *lia ý niệm không có gì cả?* Vậy là lia được, nhưng lại còn dính mắc nơi một ý tưởng rất vi tế, rất mong manh, rất nhỏ nhiệm, nếu nói nó *không có tướng*, không đúng, nếu nói nó *chẳng phải không có tướng*, cũng không đúng. Thiền này cũng có hai chi là *Nhất tâm* và *xả*. Đây là tầng thiền cuối cùng, cao nhất của Vô sắc giới, tột cùng trong tam giới.

III- So sánh:

1- Tuổi thọ của Cõi Người và Cõi Trời:

*** Trời Dục giới:**

- *Tứ Đại*: 50 năm ở cõi người là một ngày một đêm ở cõi trời Tứ Đại, vậy 500 năm tuổi thọ của chư thiên cõi này bằng 9 triệu 125 ngàn năm ở cõi người.

- *Đao Lợi*: 100 năm ở cõi người bằng một ngày 1 đêm ở cõi trời Đao Lợi, vậy 1000 năm tuổi thọ của chư thiên cõi này bằng 36 triệu 500 ngàn năm ở cõi người.

- *Dạ Ma*: 200 năm cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Dạ Ma, vậy 2000 năm tuổi thọ của chư thiên cõi này bằng 146 triệu năm ở cõi người.

- *Đầu Suất*: 400 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Đầu Suất, vậy 4000 năm tuổi của chư thiên cõi này bằng 584 triệu năm ở cõi người.

- *Hóa Lạc*: 800 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Hóa Lạc, vậy 8000 năm tuổi thọ của chư thiên cõi này bằng 2.336 triệu năm ở cõi người.

- *Tha Hóa*: 1.600 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Tha Hóa, vậy 16.000 năm tuổi thọ của chư thiên cõi này bằng 9.344 triệu năm ở cõi người.

*** Trời Sắc giới:**

- *Sơ thiên*: Phạm chúng tiên 01/3 a tăng kỳ, Phạm phụ thiên: 01/2 a tăng kỳ, Đại phạm thiên: 01 a tăng kỳ

- *Nhi thiên*: Thiểu quang thiên: 2 đại a tăng kỳ, Vô lượng quang thiên: 4 đại a tăng kỳ, Quang âm thiên: 8 đại a tăng kỳ.

- *Tam thiên*: Thiểu tịnh thiên: 16 đại a tăng kỳ, Vô lượng tịnh thiên: 32 đại a tăng kỳ, Biến tịnh thiên: 64 đại a tăng kỳ.

- *Tứ tiên*: Vô tướng thiên: 500 đại a tăng kỳ, Quảng quả thiên: 500 đại a tăng kỳ, Vô phiền thiên: 1.000 đại a tăng kỳ, Vô nhiệt thiên: 2.000 đại a tăng kỳ, Thiện kiến thiên: 4.000 đại a tăng kỳ, Thiện hiện thiên: 8.000 đại a tăng kỳ, Sắc cứu cánh thiên: 16.000 đại a tăng kỳ.

*** Trời Vô sắc giới:**

- *Không vô biên xứ thiên*: 20.000 đại a tăng kỳ

- *Thức vô biên xứ thiên*: 40.000 đại a tăng kỳ

- *Vô sở hữu xứ thiên*: 60.000 đại a tăng kỳ

- *Phi tướng, phi phi tướng xứ thiên* : 84.000 đại a tăng kỳ

2- So sánh tuổi thọ chư thiên Dục giới và Địa ngục:

- *Đẳng hoạt địa ngục*: 500 năm tuổi thọ cõi trời Tứ Đại bằng 1 ngày 1 đêm ở đại ngục Sañjīva (*Đẳng hoạt địa ngục*), và 500 năm địa ngục này là tuổi thọ của chúng sanh chịu quả khổ ở đây. Nơi này, chúng sanh phạm tội bị grom đao đâm chém, gậy gộc đánh đập, cối xay nghiền giã khi có gió mát thổi tới thì tỉnh lại, *sống lại như cũ* nên gọi là “*đẳng hoạt*”.

- *Hắc thằng địa ngục*: 1.000 năm tuổi thọ cõi trời Đao Lợi bằng 1 ngày, 1 đêm ở địa ngục Kālasutta (*Hắc thằng địa ngục*), và 1.000 năm địa ngục này là tuổi thọ của chúng sanh chịu khổ nơi đây, Nơi này, kẻ phạm tội bị *dây thừng* đên căng tứ chi ra, rồi cưa chặt tứ chi và chém thân thể nên gọi là “*hắc thằng*”.

- *Chúng hợp địa ngục*: 2.000 năm tuổi thọ cõi trời Đa Ma bằng 1 ngày 1 đêm ở địa ngục Saṅghata (*Chúng hợp địa ngục*), 2.000 năm địa ngục này là tuổi thọ của chúng sanh chịu quả khổ ở đây. Nơi này, kẻ phạm tội tập hợp lại mà cắn xé lẫn nhau nên gọi là “*chúng hợp*”.

- *Hào khiêu địa ngục*: 4.000 năm ở cõi trời Đẩu Suất bằng 1 ngày 1 đêm ở địa ngục Rorava (*Hào khiêu địa ngục*), 4.000 năm địa ngục này là tuổi thọ của chúng sanh chịu quả khổ nơi đây. Nơi này, do kẻ mắc tội chịu nhiều loại cực hình thống khổ quá, kêu la thảm thiết nên gọi là “*hào khiêu*”.

- *Đại khiêu địa ngục*: 8.000 năm ở cõi trời Hóa Lạc bằng 1 ngày 1 đêm ở địa ngục Mahāravana (*Đại khiêu địa ngục*), và 8.000 năm địa ngục này là tuổi thọ mà chúng sanh chịu khổ nơi đây. Nơi này, kẻ mắc tội chịu hình phạt, cực hình gia tăng nên *kêu gào, than khóc lớn hơn, nhiều hơn, to hơn* nên gọi là “*đại khiêu*”.

- *Viêm nhiệt địa ngục*: 16.000 năm ở cõi trời Tha Hóa bằng 1 ngày 1 đêm ở địa ngục Tavana (*Viêm nhiệt địa ngục*), và 16.000 năm địa ngục này là tuổi thọ của chúng sanh chịu quả nơi đây. Nơi này, kẻ phạm tội bị *lửa thiêu, toàn thân bốc cháy*, thống khổ không sao kể xiết được nên gọi là “*viêm nhiệt*”.

- *Đại nhiệt địa ngục (Mahātapana)*: chúng sanh ở địa ngục này chịu quả khổ *lửa đốt cực kỳ gay gắt, cực kỳ thảm khốc* nên gọi là “*đại nhiệt*” lâu xa chừng 1/2 kiếp quả đất.

- *A tỳ địa ngục hay Vô gián địa ngục (Avīci)*: Chúng sanh ở địa ngục ngục này chịu quả khổ cực hình liên tục, bất tận không ngừng nghỉ nên gọi là “*vô gián*” lâu xa chừng khoảng 1 kiếp quả đất.

Giải thích thêm: 8 địa ngục trên đây được gọi là Bát Đại địa ngục hay Bát nhiệt (*hỏa diệm*) địa ngục còn rất nhiều địa ngục khác nữa, ta có thể kể tóm tắt: Bát hàn (*băng giá*) địa ngục, Cận biên địa ngục, Thập lục du tăng (*nổi khổ tăng mãi*), Cô (*biệt lập*) địa ngục, Thập bát địa ngục... tổng cộng lên đến 136 địa ngục chính có 16 địa ngục phụ thật không kể xiết.

3- Khoảng cách từ Cõi Người đến Cõi Trời và khoảng cách giữa các Cõi Trời với nhau:

Trong bộ Lokanttipakasara, đức Phật có thuyết rằng:

- “*Asurapurata hi yāva manussabhūmito caturāsītiyojana sahasāni honti*”. Nghĩa, từ cõi A tu la (*Asura - dưới núi Tu di*) đến cõi người có khoảng cách là 84.000 do tuần (*yojana*).

- “*Manussabhūmito yāva mahārājikā dve cattalīsa sahas sāni*”. Nghĩa, từ cõi người đến cõi trời Tứ đại có khoảng cách 42.000 do tuần.

- “*Ito asarapurato yāva tavatīmsapurā yojanānam ekalak khaṃcha nahuta aṭṭhasahasanca*”. Nghĩa từ cõi A tu la (*dưới núi tu di*) đến cung trời Đao Lợi (*đỉnh núi Tu di*) khoảng cách là 168.000 do tuần.

- “*Pathavīralato yāva tāvatīmsā pana...*”. Kể từ mặt đất (*cõi người*) đến cung trời Đao Lợi có khoảng cách là 84.000 do tuần (*Chỉ là con số tượng trưng vì thật ra phải cộng thêm 168.000 do tuần nữa*).

- “*Tāvatiṃsato yāva yāna yojanānaṃ catulakkhaṃ catu sahaṣṣaṃ catusatañca*”. Từ cõi trời Đao Lợi lên cõi trời Dạ ma có khoảng cách là 434.000 do tuần.

- “*Tāna yāmato yāva tusita sattalakkhaṃ caturāsīti sahaṣṣaṃ aṭṭhasatañca*”. Từ cõi trời Dạ Ma lên cõi trời Đâu Suất có khoảng cách là 784.800 do tuần.

- “*Tusitato yāva nimmānaratito okādasalakkhāni tinahu taṃ pañcasahaṣṣaṃva dvisatañca*”. Từ Đâu Suất đến cõi trời Hóa Lạc có khoảng cách là 1.135.200 do tuần.

- “*Nimmanaratiyo yāva vasavattito cuddasalakkhāni aṭṭha nahutāni pañcasahaṣṣaṃ cha satañca*”. Từ Hóa Lạc đến cõi trời Tha Hóa có khoảng cách xa 1.485.600 do tuần.

- “*Vasavattito yāva pathamajjhānabhūmito aṭṭharasa lakkhāni tinahutaṃ cha sahaṣṣañca*”. Từ Tha Hóa đến cõi trời sơ thiên thấp nhất (*Phạm chúng thiên*) có khoảng cách là 1.836.000 do tuần.

IV- Trú xứ và cảnh giới:

1- Về Tứ đại thiên vương:

1.1- *Bốn vị vương*: Nhóm từ Pāli: “*Catummahārājikā*” được dịch là một nhóm chư thiên có 4 vị vua, họ làm thống lãnh cõi trời này. Đó là:

- *Dhatarattha*: *Trì Quốc (thiên vương)*
- *Virūhaka*: *Tăng Trưởng (thiên vương)*
- *Virūpakkha*: *Quảng Mục (thiên vương)*
- *Kuvera Vessavaṇṇa*: *Đa Văn (thiên vương)*

Cõi trời này trú trên đầu núi Yugandhara là núi thứ 7, một trong Thất trung sơn (Sattapriyaṇḍa).

1.2- Một số chi tiết về cõi trời Tứ đại và Bốn vị thiên vương:

- “*Purimañca disaṃ rājā, dhataratṭho pasāsati, gandhab bānaṃ adhipamahārājā yasasino*”. Trì quốc thiên vương thống lãnh Đông phương, làm chủ Càn thác bà (*Gandhabbā*), nghĩa là có chúng Càn thác bà làm thuộc hạ.

- “*Dakkhinañca disaṃ rājā, viruḷho tappasāsati, kumbhaṇḍāni adhipati, mahārājāyasassino*”. Tăng trưởng thiên vương quản nhiệm Nam phương, là chủ Cưu bàn trà (*Kumbhaṇḍā*), nghĩa là có chúng Cưu bàn trà làm thuộc hạ.

- “*Pacchimañca disaṃ rājā virūpakkha pasāsati, nāgānaṃ adhipati, mahārājā yasassino*’. Quảng mục thiên vương cai quản Tây phương, làm chủ loài Rồng (*Nāga*), nghĩa là có chúng Long chủng làm thuộc hạ.

- “*Uttarañca disaṃ rājā, kuvevo tappasāsati, yakkhānaṃ adhipati, mahārājā yasassino*”. Đa Văn thiên vương thống lĩnh Bắc phương, làm chủ loại Dạ Xoa (*Yakkha*), nghĩa là có chúng Dạ Xoa làm thuộc hạ.

Cả bốn vị thiên vương này có phước báu rất lớn, có rất nhiều thần lực, oai lực. Mỗi vị đều có 1000 con trai (*vương tử*), cao sang, đẹp đẽ, sắc tướng giống nhau cả thảy.

- “*Sunarusso hi pācinapassaṃ rajatamayam dakkhiṇā passaṃ māṇimayam pacchimapassaṃ phalikamayam uttara pasam sovaṇṇāmyam*”. Phía Đông của núi Tu Di có con đường làm bằng bạc, phía Nam có con đường làm bằng ngọc mani, phía Tây có con đường làm bằng ngọc pha lê (*phali*), Phía bắc có con đường làm bằng vàng.

1.3- Cảnh giới của Đa Văn thiên vương:

* *Nhân quả khứ:*

Vào một thời chưa có Phật ra đời, có một người Bà la môn tên là Kuvera, ông có một đời sống rất hiền lương, đạo đức, lại sẵn lòng bố thí, giúp đỡ mọi người. Nhà ông nằm ở bên cạnh một con đường có nhiều bộ hành qua lại nên ông khởi tâm dựng một quán nước mía để bố thí cho khách thập phương. Đơn giản thế thôi nhưng ông làm việc lành này không mệt mỏi, không ngưng nghỉ như là một giếng nước ngọt cho mọi người không phân biệt kẻ quen người lạ, kẻ giàu người nghèo. Hết kiếp ấy, ông lão Kuvera hóa sanh lên cõi trời Tứ Đại, sau làm thiên vương có tên Vessavaṇṇa.

** Quốc độ cai quản:*

Phương Bắc, nơi quản nhiệm của vị thiên vương này có con đường làm bằng vàng, có 10 quốc độ, đó là: *Athānāthā, Kusināthā, Parakusināthā, Nāthā paviyā, Parakusitanāthā, Kapivanta, Janagha, Navanatiya, Ambarāparavatiya, Ālakamahā.*

Lại có một cõi riêng, là Visāna - nơi an ngự của thiên vương Kuvera – ghép chung với trú xứ nên vị này có tên là Kuvera Vessavaṇṇa.

Vị thiên vương này, dịch âm là Tỳ sa môn, dịch nghĩa là Đa Văn là vị ngài thường hay nghe pháp, lại có Tâm hộ trì Tam Bảo, quốc độ, đạo tràng, nơi thờ tự và thiện nam tín nữ biết tu tập.

** Tướng Dạ Xoa:*

Đa văn thiên vương có 12 vị Dạ Xoa (*chư thiên bậc thấp*) làm bộ tướng thuộc hạ, nhận nhiệm vụ bên ngoài, có bổn phận quan sát và nắm bắt tin tức các nơi về trình báo lại cho ngài hay. Đó là: *Tatona, Tatthana, Tatotana, Ojasī, Tatosī, Suru, Rāja, Surorāja, Ariṭṭha, Nomi, Aviṭṭhanemi.*

Các vị tướng Dạ Xoa này không phải ai cũng tốt. Họ có phước báu hơn cõi người một chút, nhưng tâm địa cũng chỉ là một chúng sanh với những tham, sân, si, phiền não và đủ thứ bụi bặm, dơ ứ hoặc hiện khởi hoặc trong dạng tiềm miên mà thôi.

** Triều thần Dạ Xoa:*

Triều đình của Đa Văn thiên vương có 28 vị Dạ Xoa đại thần, quán xuyên mọi việc trong ngoài, có những chức năng khá nhau ví dụ như tham mưu, cố vấn, nghi lễ, khánh tiết, tiệc tùng, du hí, ca vũ nhạc kịch... Cũng vậy, họ tốt có xấu có đó là: *Mātali, Sitasona, Gandhabba, Janosabha, Sātāgira, Hemavata, Naḷorāja, Puṇṇaka, Karatuya, Gula, Sivaka, Muccarinda, Vesāmitta, Yugandhara, Gopāla, Supagodha, Hiri, Netti, Mandiya, Pañcāla, Canda, Ālavaka, Pajunna, Sukhuma, Mani, Māṇicara, Digha*

** Cảnh giới:*

Trong cõi Visāna của Đa Văn thiên có một cái hồ tên là Dharaṇī sâu rộng đến 50 do tuần, nước trong xanh phản chiếu thất bảo, có vô lượng kỳ hoa dị thảo, phi cầm, điều thú của cõi trời, nhưng nhiều đẹp lạ lung nhiều vũ điệu, muôn màu muôn sắc nhất là chinh công... Tại đây có một căn nhà hội, thật ra là một bảo điện rộng rãi, to lớn, nguy nga được phước báu hóa hiện bằng thất bảo, nhiều nhất là hàng trăm loại ngọc dùng làm nơi tổ chức đại hội Dạ Xoa.

Tất cả mọi Dạ Xoa kể trên đều có gia đình, tùy tùng cũng như nhiều thuộc hạ, nô tỳ. Dạ Xoa nhiều thần lực thì cũng biến hóa được cái này cái nọ và du hành qua không gian dễ dàng như ý muốn. Dạ Xoa ít thần lực thì mượn thần lực của các Dạ Xoa tùy tùng, nô tỳ, vật nuôi để bay. Có một số kinh văn Pāli sau đây giúp ta hiểu điều đó:

- “*Gāviṃ ekakhuraṃ katvā*”: Có nhóm dùng bò (*thiên ngưu*), để cưới bay.

- “*Pasum okkhuraṃ katvā*”: Có nhóm dùng phi cầm (*thiên cầm*), cưới để bay.

- “*Itthim vāhanaṃ katvā*”: Có nhóm dùng nữ nhân (*Dạ Xoa nữ*) cưới để bay.

- “*Purisam vāhanaṃ katvā*”: Có nhóm dùng nam nhân (*Dạ Xoa nam*) cưới để bay.

- “*Kumāriṃ vāhanaṃ katvā*”: Có nhóm dùng đồng nữ (*Dạ Xoa đồng nữ*) cưới để bay.

- “*Kumāraṃ vāhanaṃ katvā*”: Có nhóm dùng đồng nam (*Dạ Xoa đồng nam*) cưới để bay.

Vậy là chúng cũng tha hồ bay đi đây đi đó khắp tam sơn tứ hải, vô ngại giữa không gian mênh mông. Chú giải còn nói rằng, các Dạ Xoa chủ nhân ông này thường thích dùng Dạ Xoa nữ đang có thai để dễ cưới (*vì cái bụng ễ ra, dễ ngồi chăng?*) còn Dạ Xoa nữ nô tỳ khác thì đôi khi sử dụng như vật kéo.

Riêng Đa Văn thiên vương thì tùy nghi, khi tự dùng thân lực để bay, khi sử dụng thiên tượng, thiên mã, thỉnh thoảng nằm nghỉ trong bảo điện và bảo điện có thể bay đi đây đi đó.

Chú thích: Ngoại trừ Tứ đại thiên vương là chư thiên có nhiều oai lực, phước tướng sang cả, các vị đạo thần, quang tướng cũng là chư thiên nhưng phước báu ít hơn. Số còn lại, như Dạ Xoa thuộc hạ, Càn thác bà thộc hạ, Rồng thuộc hạ, Cru bàn trà thuộc hạ đều thuộc loại hạ đẳng. Chúng cùng với một số dạ xoa nô tỳ, voi, ngựa, chim công... đôi khi lại thuộc hóa sanh, bàng sanh, noãn sanh... như ở nhân gian vậy. Hai hạng sau này, phước báu thua cả con người.

2- Về cõi trời Đao Lợi:

2.1- Tên cõi trời và tên của Đế Thích:

Tāvātimsa, có nghĩa là 33 do sự tích (*sẽ được kể sau*) là có 33 người cùng làm phước, có tín, có giới nên hóa sanh lên đây làm chủ 33 tòa cung điện. Còn chữ Đao Lợi thì không có nghĩa gì cả. Lý do như sau: Từ *Tāvātimsa* là tiếng Pāli đồng một nghĩa, tiếng Sanskrit là *Trāyastrimsa*. Khi sang Trung Quốc, các vị dịch giải đã dịch âm chữ *Trāyastrimsa* trên là *Đát lệ da đát lệ xa*. Lâu ngày, do đọc tắt, biến âm thành “*Đát lệ*” rồi “*Đạo lệ*” mà thành quen, thành phổ thông.

Còn tên của Đế Thích? Đế thích cũng không có nghĩa gì cả tên thật của vị này là Sakka, có lẽ âm Tàu chữ này mà thành Đế Thích chăng?¹². Vị này nhân gian hay gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế, cai quản cả Tứ Đại thiên vương thật ra, ngài có cả thầy bảy danh hiệu sau:

- *Maghavā*: Do trong một kiếp trước làm người ngài có tên như vậy.

- *Purindado*: Do bỏ túc pháp bỏ thí ba la mật.

- *Sakko*: Do bỏ túc pháp bỏ thí bằng cách cung kính.

- *Vāsavo*: Do từng bỏ thí chỗ ngủ cho khách lỡ đường.

- *Sahassakkho*: Do có khả năng thấy biết hàng ngàn nhân quả trong nháy mắt.

- *Sujampati*: Do là chồng của nàng Sujātā.

¹² Dè dặt góp ý. Đức Phật Sākya, tàu âm là Thích ca. Vậy, có lẽ “đế” là vua, hoàng đế, còn “thích” là âm của “Sak” trong Sakka mà thành chăng? Ta cũng có thể hiểu cách khác, người khai sanh cõi trời này cũng chính là tiền thân của Đức Phật, thuộc dòng Thích Ca, mà do sự liên tưởng ấy mà có tên là Đế Thích?

- *Devānamindo*: Do ngài là bậc có đại phước báu, đại oai đức nhất trong cõi trời 33 và Tứ Đại thiên vương.

2.2- *Pháp nào tạo nhân sanh Cõi Trời*:

Đức Phật có thuyết với đại ý rằng: Ai trong lúc làm người có đầy đủ 7 đức tính. Phẩm chất sau đây sẽ được sanh lên Cõi Trời:

- *Mātāpitubharo*: Phụng dưỡng cha mẹ cho đến trọn đời.

- *Kuleyittihāpcāyī*: Kính trọng các bậc tôn trưởng trong gia tộc.

- *Sahavācā*: Lời nói ôn hòa nhã nhặn.

- *Apisunāvācā*: Không nói lời đâm thọc, lẩn hiếp người khác.

- *Vigatamalamacchero*: Không bòn xén keo kiệt.

- *Akodhano*: Không nóng nảy giận dữ.

Đế Thích thiên chủ hằng có 7 đức tính ấy trong các kiếp làm người nên thường được chư thiên cõi trời Đao Lợi hằng tán thán, ca tụng ngài là bậc thiện tri thức, là bậc tịnh giả.

2.3- *Cảnh giới*:

Cõi Đao Lợi thiên ở trên đỉnh núi Sineru rất lớn rộng, ngang dọc cả muôn do tuần. Do phước báu sang cả nên hóa hiện một cảnh giới khó sức tưởng tượng của nhân gian. Có thể khái lược qua những hiện vật đặc biệt.

- 01 bảo điện nguy nga nhiều tầng, nhiều mái bằng bảy báu cao chừng 700 do tuần nằm chính giữa trung tâm quốc độ. Đây là nhà hội lớn của tất cả chư thiên có tên là *Vejayañta*. Đặc biệt tại đây có dựng rất nhiều cột cờ, cao chừng 300 do tuần. Cột và lá cờ phong phú rất nhiều màu

sắc. Nếu cột bằng vàng thì lá cờ bằng ngọc māṇi. Nếu cột bằng ngọc māṇi thì lá cờ bằng vàng. Nếu cột bằng ngọc babāla thì lá cờ bằng ngọc mukta. Nếu cột thất bảo thì lá cờ cũng thất bảo.

- 01 cây đại thọ kỳ lạ có tên *Pāricchattaka*, tàn lá xây xung quanh như tàn lọng, cao 300 do tuần.

- 01 tảng đá dưới gốc cây ấy, có tên là *Paṇḍukambala*, với thể tích khối, bề 60 nhân 50 nhân 15 do tuần màu sắc giống như hoa Japā (*hoa hường*). Đây là chiếc ngai của Đế Thích khi ngài muốn ngự giữa trời, lúc an tọa thì nó lúm xuống, lúc rời thì nó phồng lên rất là dị kỳ.

- 01 con thiên tượng đặc biệt do một vị trời tên là *Iravaṇṇa* hóa hiện để phục vụ thiên chủ (*chứ Cõi Trời này không có bàng sanh*). Mỗi khi trời Đế Thích và chư thiên muốn chơi trò chơi lạ mắt, thế là chú voi kia hiển rộng thân oai, cao to 150 do tuần, trên lưng có 33 cái bành. Có lầu, có ngai dành cho 33 vị thiên, nằm ở các vị trí xung quanh. Mỗi cái bành như thế vuông vức chừng 6.000 sải tay. Trong mỗi cái bành ấy có 1 cái hồ lớn, trong hồ có 7 bồn nước, mỗi bồn có 7 cây sen, mỗi cây sen có 7 hoa, mỗi hoa có 7 vị tiên nữ đang múa hát. Riêng đức Ngọc Hoàng của chúng ta có 1 cái bành đặc biệt, ở vị trí trung ương, to rộng 30 do tuần, có 1 bảo điện bằng ngọc cao to 12 do tuần, bên trong có 1 bảo tọa cũng bằng ngọc cao to 1 do tuần, và xung quanh cũng hóa hiện tương tự như trên nhưng thất bảo nhiều hơn, kỳ vĩ hơn, to lớn hơn, xinh đẹp hơn. Trên lưng thiên tượng dựng đứng 34 cột cờ cao 100 do tuần được treo rất nhiều chuông gió phát ra âm thanh là những bản nhạc trời mê ly, quyến rũ.

- 01 đền vuông vức 500 do tuần, nguy nga tráng lệ có tên *Sudhammadevā Sabhā*.

- 01 cái hồ kỳ lạ có tên là *Sunandā Pokkharanī*, bằng bầu bầu, sạn sỏi cũng bảy báu, đủ loại cá, đủ loại sắc màu cũng 7 báu bơi lượn. Có 7 loại sen trời, 7 màu, luôn nở không tàn, hương thơm ngào ngạt.

- 01 vườn thượng uyển tên là *Sucittalatā*, là nơi giải trí của tất cả chư thiên to rộng 500 do tuần mà bên trong lắm kỳ hoa dị thảo, lắm công trình vui chơi, du hí tiệc tùng, ca nhạc vũ kịch... mà thế gian không thể tưởng tượng được.

Vua trời Đế Thích có 4 bà vợ: Thiên hậu *Sudhamma* và 3 bà thiên phi *Sunanadā*, *Sucitta* và *Sujātā*. Thường có tới mấy triệu ngọc nữ hầu hạ.

Chư thiên ở cõi này sống tuổi thanh xuân, trẻ mãi không già. Khi hết tuổi thọ thì thấy tiền hiện tượng (*Pubbanimitta*), tức là 5 dấu hiệu xảy ra mới biết mình sắp chết. Như đã nói ở trên, đó là: Hoa trang điểm mau héo úa, thiên bào, xiêm y màu sắc nhợt nhạt, cơ thể tụt rỉ mồ hôi, thân rã rời dường như không còn khí lực, và điều 5 là không còn thấy ham thích dục lạc cõi trời.

2.4- Kiếp trước của trời Đế Thích và các bà vợ.

Trong bốn sanh *Kulāvākā*, đức Phật có kể như sau:

Thử xưa, thật quá lâu xưa, trong nước Ma kiệt đà, bỏ tát sinh ra và lớn lên tại ngôi làng nhỏ bé tên là *Macala* giáp ranh thành *Vương Xá*, chàng tên là *Magha*.

Thanh niên *Magha* do phước và trí sanh nên chàng như một thiên thần bước xuống cuộc đời. Chàng lập gia đình có 4 vợ *Sudhamma*, *Sunanadā*, *Sucitta* và *Sujāta* sinh con làm các nghề nghiệp chân chánh, giữ 5 giới lấy thiện sự làm niềm vui thanh cao.

Ngôi làng ấy đầy ác giới, chúng thường hay gây gỗ đánh đập, chửi mắng nhau bằng binh khí dao gậy hay miệng

lưới. Nghề nghiệp chính của họ là săn bắt thú rừng hoặc kéo cá trong lưới. Một số kẻ bất thiện khác thì bắt trộm heo gà, ăn nhậu với rượu men, rượu nấu, khi no nê say sưa chí tử rồi thì không có việc xấu xa tội lỗi nào mà chúng không làm, không có giới trọng nào mà chúng không phạm. Thế là tiếng cười lẫn tiếng khóc, tiếng than vãn lẫn tiếng la hét như đám lửa cháy âm ỉ hoặc bùng phát, cuồng nộ như nổi thống khổ trong hỏa ngục ngày qua ngày, đêm qua đêm.

Magha sống giữa họ như sen mọc trong bùn, thanh sạch, thơm tho cả nghề nghiệp, giới hạnh và tâm hồn. Chàng thương họ, muốn cảm hóa họ, nhưng tự nghĩ: *“Nói đến đạo đức và lẽ phải trong lúc này, đối với họ, thật như nước đổ đầu vịt. Vậy, hãy kham nhẫn, từ từ, không phải bằng nói năng, mà phải bằng hành động cụ thể cả vật chất lẫn tinh thần. Khi mà cơ cực, làm than thống khổ tràn đến họ như một cơn lũ lớn, lúc ấy ta sẽ ra tay”*. Từ đấy, chàng cùng các bà vợ các con siêng năng, chăm chuyên làm giàu. Việc gì làm được là làm. Đây là chịu khó canh tác ruộng vườn, đan lát, thủ công, làm góm mộc, thợ xây... Lúc nông nhàn, chàng và các con lên rừng lấy gỗ danh mộc, trầm rồi kết bè về bán ở miền xuôi.

Siêng năng, cần kiệm có đầu óc có ý chí một thời gian không lâu, chàng tích lũy được một gia sản lớn.

Khi mà mỗi gia đình sống trong cái chòi tồi tằm, rách nát, muỗi mòng, hôi hám, bần thủ thì Magha đã có được một trang trại rộng lớn, kẻ ăn người ở tới lui tấp nập, với kho thóc lúa, kho bắp đậu, kho vải, kho củi, kho nông cụ vật dụng... như cơ ngơi của một triệu phú.

Thời đã đến, ngôi làng Macala và ngôi làng bên cạnh xảy ra vụ tranh chấp về quyền lợi nơi khu rừng săn thú, nơi mặt song đánh cá. Làng Macala bị bồi thường và phạt vạ, mỗi gia đình phải bỏ tài sản ra, tiếp đến là nạn cháy nhà, hạn hán,

mắt mùa. Chúng rơi vào một trận đói kinh hoàng cùng với dịch bệnh lây lan, dấy chết đầy đường người và vật.

Magha từ lâu đã có dự tính, dự phòng nên đã tích trữ sẵn mọi thứ nhu cầu thiết yếu cho mỗi hiểm họa này. Chàng kêu cả làng đến rồi phát tặng lương thực, thực phẩm, thuốc men, vải vóc... với nụ cười đôn hậu và với tấm lòng rộng mở. Sau cuộc cứu nạn, chàng tụ tập 30 chàng thanh niên đại diện cho 30 gia đình tiến bộ nhất rồi giáo giới với họ rằng:

“Này các bạn, Tôi sẽ cứu các bạn và cả ngôi làng này qua khỏi cơn thống khổ. Bắt đầu từ hôm nay, lương thực của gia đình tôi chính là lương thực của các bạn. Chúng ta hãy cùng nhau lên rừng. Tôi biết ở đâu có gỗ quý, chiên đàn đỏ, chiên đàn trắng, chiên đàn vàng... Và tôi cũng biết chỗ người ta thu mua với giá cả rất phải chăng. Chỉ cần một chuyến như vậy là chúng ta có thể giúp đỡ cho cả làng qua khỏi cơn nguy khốn. Chuyến thứ hai các bạn có lương thực dự trữ. Chuyến thứ ba các bạn có đủ tài sản để chăm lo nông vụ, vườn tược. Hãy theo lời tôi, hãy nghe tôi, hãy cùng nhau chiến thắng cái đói nghèo”.

Như gặp chiếc phao cứu hộ, cả làng hoan hô và tán dương, khen ngợi Magha không hết lời. Thế rồi, cứ thế mà làm. Thanh niên Magha còn đưa ra kế hoạch trọn năm. Bốn tháng lên rừng khai thác gỗ, trầm, mật ong, măng giang, mộc nhĩ... Bốn tháng lo ruộng vườn và làm đầy kho ngũ cốc. Bốn tháng còn lại là những can nhà những con đường, cầu cống, bệnh xá, các nơi dơ ւế phải chon lấp... Magha nói với 30 chàng thanh niên: *“Này các bạn! Hãy nghe tôi, hãy biến cái ngôi làng nghèo khổ này thành ngôi làng của cõi trời”.*

Thế là một phong trào rầm rộ và toàn diện về chuyện làm ăn, xây dựng, canh tân được bàn bạc từ đầu thôn đến cuối xóm. Đèn đuốc được đốt thâu đêm. Niềm vui chạy rần rật khắp các hang cùng ngõ hẻm.

Khi đủ ăn, đủ mặc, có dư giả chút ít thì một vài tệ trạng manh nha xuất hiện, đây là rượu chè, cờ bạc, trộm cắp, chửi bới đánh đập nhau xảy ra. Tuy biết mà Magha chưa nói gì, chưa tỏ thái độ nào, vì chàng thấy chưa đúng thời. Trong lúc này nên làm hơn là nói. Magha, vợ và các con luôn dẫn đầu trong các công việc xã hội. Chiến bóng của Magha bao giờ cũng xuất hiện đầu tiên và cuối cùng chỗ này chỗ kia. 30 chàng thanh niên tiên bộ tuyệt đối tuân lời Magha, lấy Magha làm gương, là ngọn đèn, là con mắt của họ. Các con đường làng lần lượt được đắp lên cao ráo với những hàng cây có hoa, có hương và tỏa bóng mát. Những chiếc hồ công cộng được thả sen, thả súng, bơi lội những đàn cá màu. Những chiếc cầu lát đá hoặc gỗ bắc qua các bờ kênh, bờ nước có liễu rủ, có bóng tre. Một bệnh xá tương đối lớn khang trang, đầy đủ tiện nghi, thuốc thang dành cho người bệnh, ốm đau. Không còn một đồng rác, những bãi phân, những vũng nước rác rưởi, tù đọng hôi hám. Có cả nghĩa địa lộ thiên cho người và thú. Mọi công trình, công tác kể trên đều được làm bởi sự tự nguyện của dân làng, được bảo quản tốt, chăm sóc tốt.

Hôm kia, biết là thời đã đến, chàng tâm sự với 30 chàng thanh niên thiện chí:

- Này các bạn! Tại sao đầy đủ cơm ăn áo mặc mà nơi này nơi kia, trong ngôi làng thân yêu của chúng ta, vẫn có những tiếng khóc, chửi mắng, đánh đập, rên than?"

- Chúng không biết nghe theo lời giáo huấn của "Sư trưởng", vẫn tự ý lên rừng săn thú, xuống sông bắt cá kiếm tiền chơi bời, ăn nhậu. Khi say sưa rồi thì sinh ra mọi tệ nạn khác như trộm cắp đánh đập, chửi mắng, tà hạnh...làm khổ vợ con, phá hoại gia đình của người khác.

- Vậy thì có hữu lý chăng khi chúng ta những con người tiên bộ, phải biết gìn giữ giới không sát sanh, không trộm cắp

không tà hạnh, không vọng ngữ, không dùng rượu men rượu nấu.

- *Rất hữu lý.*

- *Thế các ban có giữ được năm giới ấy chăng?*

- *Chúng tôi sẽ cố gắng giữ được, thưa Sư trưởng.*

Bằng cách như vậy, bằng cách chỉ ra nhân ra quả như vậy, thanh niên Magha đặt đề 5 giới trong tâm cho 30 chàng thanh niên mẫu mực.

Tin được truyền đi, người thôn trưởng đâm ra lo sợ, tự nghĩ: *“Trước đây, khi người dân làng này sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, vọng ngữ, uống rượu thì ta được hoạnh phát tiền của. Nào là tiền bắt hàng trộm cắp, tiền phạt rượu, tiền phạt vạ, tiền bồi thường, nạp tiền lễ cúng tế, nạp tiền lễ ma chay, tiền tranh chấp của cải, đất đai tài sản, tiền giảng hòa, tiền kiện tụng... Chỗ nào cũng phải có tiền nộp vào hầu bao của ta. Nay, thanh niên Magha giáo giới chúng, đặt năm giới cấm trong tâm chúng, từ 30 gia đình sẽ lan ra bốn mươi, năm mươi... Và do uy tín hiền thiện ấy của Magha, của cả nhóm, không mấy chốc nó sẽ lan sang cả làng. Và như vậy có hậu quả gì? Hậu quả là ta sẽ khánh tận tài sản, lợi lộc. Vậy ta làm thôn trưởng để làm gì?”*

Tức tối, hậm hực nhưng với mưu chước, người thôn trưởng cụ bị hành lý, đến ngay cổng hoàng cung hồi lộ quan hộ thành, vào trong hồi lộ quan triều nội nên được vào yết kiến đức vua chí tôn.

- *Tâu thiên tử! (tên thôn trưởng thưa trình).* Tại làng Macala của thần dân có một bọn cướp lớn, chúng gồm 31 đứa kể cả tên đầu sỏ. Chúng phá làng, phá xóm. Chúng thiêu hủy các cuộc vui của nhân dân. Chúng làm cho các am các miếu thờ thần linh vắng lạnh và điêu tàn. Không một bóng người

trên sông. Không một bóng người trên rừng. Trống không các buổi hội hè, đình đám tiệc tùng... Ôi! Quả thật là một bọn cướp đáng sợ...

Khi tấu trình như vậy, tên thôn trưởng có thừa khôn ngoan là nói lên hiện tượng có thật lờ khi đức vua cho người điều tra. Tuy nhiên, hiện tượng giống nhau đây, nhưng bản chất, sự thực lại khác, thời nào cũng vậy, cứ có tiền thì công lý đổi trắng thay đen ngay, còn dễ dàng hơn sự sắp ngửa của 1 đồng xu.

Ông vua của chúng ta thuộc loại hàn hồ, cạn nghĩ, mới nghe tấu vậy đã hấp tấp phán:

- Hãy đem theo lính, bắt dẫn tất cả chúng mang về đây.

Thế là Magha và 30 thanh niên bị bắt trói xếp cánh sau lưng, bị lôi bị kéo đến hoàng thành. Đức vua không hỏi cung, không điều tra sự vụ, ra lệnh dẫn ra pháp trường cho voi chà cả thảy.

Khi nằm trên đất để lãnh chịu sự hành hình oan nghiệt, thanh niên Magha giáo giới: *“Này các bạn! Hãy bình tĩnh, nếu quả thật chúng ta bị tử nghiệp do voi chà, thì không đâu trốn thoát được dầu ở hang sâu, rừng thẳm. Nhưng nếu chẳng phải thế thì dầu bạo lực của đức vua, dũng lực của ngàn voi cũng chẳng làm gì được chúng ta đâu. Vì sao vậy? Vì do thiện pháp bảo vệ, chúng ta sẽ được an toàn”*.

Theo dõi để thờ từng hơi thở nhẹ, chàng trầm tĩnh điềm đạm dạy tiếp: *“Này các bạn! Hãy hành trì giới, kiến trú giới. Hãy khởi lòng từ đối với kẻ ác, với kẻ vu cáo ta. Hỷ khởi lòng từ đối với đức vua thiếu sáng suốt nên công lý đã mây che. Hãy khởi lòng từ với đàn voi không biết gì sắp dẫm đạp chúng ta. Tâm từ ấy phải được quảng đại, sung mãn, bao trùm đồng đẳng, chan hòa tất cả chúng sanh, tràn đầy hư*

không giới. Tất cả hãy mát mẻ, vắng lặng. Tất cả hãy mát mẻ, vắng lặng”.

Tất cả 30 thanh niên y lời, trầm tĩnh, an nhiên như một rừng thiền định.

Khi đàn voi đi đến, chúng sững lại như gặp một bức tường vô hình kiên cố, chúng co rúm long, đuôi dựng đứng lên, thôi lui, rống to rồi quay lưng bỏ chạy. Đoàn voi khác đến, cũng như thế, không vượt qua được bức tường của tâm từ, quay lui rồi chạy hoảng loạn.

Đức vua nghe báo ra tận hiện trường xem, tự nghĩ: *“Chắc trong người bọn chúng có dấu thuốc “Trường sanh” nên chúng đã trở nên “Bất tử” chăng?”*. Ông cho người lục soát nhưng chẳng thấy gì cả. Lại nghĩ: *“Hay là chúng có đọc bùa chú?”* Bèn nói to:

- Này bon cướp kia! Có phải các ngươi âm thầm đọc chú để chống lại bản án tử hình kia?

Magha đã hiểu mọi chuyện nên chàng đáp:

- Vâng, có, thưa thiên tử.

- Ấy là bùa chú gì? Đọc lên ta nghe thử coi.

- Thưa thiên tử, hãy lắng nghe, tôi sẽ nói. Tôi và 30 chàng thanh niên này trọn đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không vọng ngữ, không uống rượu. Chúng tôi khởi lòng từ đồng đẳng đối với mình và các sanh loại. Chúng tôi bỏ thí, làm các thiện sự, các công ích như dựng tram xá, làm cầu, làm đường, đào ao hồ, chôn lấp các hố rác, làm các công trình vệ sinh công cộng... Đây là bùa chú (*manta*) của chúng tôi, là sự bảo vệ (*parittāna*) của chúng tôi, là hạnh kiểm (*vutti*) của chúng tôi, là áo giáp (*vamma*) kiên cố của chúng tôi.

Đức vua ngạc nhiên quá, cặn kẽ hỏi đầu đuôi. Thế là tên thôn trưởng xảo quyết đành phải cung khai nhận tội.

Đức vua hài lòng, mỉm cười sung sướng về việc làm tốt đẹp của những công dân lương thiện. Ra lệnh tịch thu tài sản, của cải của tên thôn trưởng sung vào của công. Khắc dấu trên trán đầy làm nô lệ trọn đời. Còn Magha thì được đức vua biểu tặng cả đàn voi, quyền sở hữu cả ngôi làng với quyền lực, uy tín, danh vọng... đã được đóng dấu có triện son trong lòng mọi người. Từ đấy, Magha và 30 chàng thanh niên được tự do và an tâm làm các công đức, công ích xã hội được đức vua bảo vệ, tán dương cùng các khoản trợ cấp hậu hĩnh và hào phóng.

Hôm kia, Magha và 30 thanh niên khởi tâm làm 1 giảng đường hội họp rộng lớn tại một bãi đất trống, gần ngã tư đường, trung tâm của ngôi làng. Họ bàn bạc với nhau, rằng nữ nhân nghiệp dày, ích kỷ, tâm chật hẹp, hay tụ họp nói chuyện vô ích, nói nhiều, nói vô bổ, khoe tóc, khoe da, khoe xiêm, khoe áo, lườn nguýt, ganh tỵ... dễ tạo sự phiền não, rối loạn nên quyết định không cho họ hùn góp công đức.

Sudhamma, bà chánh thất của Magha, vốn khôn ngoan tinh tế bèn mang một số tiền vàng đến gặp người phụ trách mẫu mã kiến trúc, nói rằng:

- Ông hãy giúp tôi, bằng đủ mọi cách, để cho tôi có cơ hội hùn góp phần công đức vào phước sự lớn lao này.

Người thợ cả kiến trúc nể tình, không nhận vàng bằng lòng giúp mưu kế, làm một cái tháp nhọn bằng loại danh mộc, chạm chỗ công phu., phơi khô, lấy vải cuộn lại rồi bảo bà Sdhamma cất giấu đi.

Khi ngôi giảng đường nhiều tầng, nhiều mái làm xong, đến giờ đặt tháp nhọn, người thợ cả kiến trúc giả cờ hốt hoảng:

- Chết rồi, các bạn ơi! chúng ta đã quên một việc quan trọng.

- Cái gì vậy? Mọi người xôn xao hỏi.

- Chúng ta quên làm cái tháp nhọn trên đỉnh, làm sao bây giờ?

- Ô! Chẳng hề gì. Có thể làm gấp được mà.

- Không phải vậy. Người thợ cả nói

- Thứ nhất là phải có danh mộc để khỏi nứt rạn. Thứ hai phải là gỗ khô, gỗ tươi thì nó không ăn khớp, lâu ngày bị hở và nước sẽ thấm vào. Nay trời sắp mưa rồi, thời gian không còn kịp nữa, biết làm thế nào?

Mọi người nín lặng nan giải. Người kiến trúc bèn gợi ý:

- Lạy chư thần cầu hộ biết đâu một nơi nào đó trong ngôi làng này, có thể sẵn có một cái tháp nhọn, đẹp vừa vặn, in khít đã làm từ lâu bằng danh mộc duyên may dành sẵn cho ngôi giảng đường của chúng ta? Ôi! Có biết bao nhiêu là ngôi nhà có nóc nhọn, tháp nhọn lo gì.

Mọi người phân tán ra khắp làng tìm kiếm. Ngạc nhiên làm sao, họ thấy bà Sudhamma có cất sẵn một cái rất đẹp, đúng tiêu chuẩn yêu cầu. Họ hỏi mua nhưng bà không bán, bà nói:

- Tiền bạc chẳng đủ nuôi sống ta từ đời này sang kiếp nọ. Vả, chồng ta công đức quá lớn, ta mà thiếu phước báu thì làm sao hy vọng gặp lại chàng trong kiếp lai sinh? Vậy, hãy cho ta hùn góp chút công đức, ta chẳng cần núi tiền, núi bạc của các ông. Hãy cho ta được dự phần.

Thật là nan giải. Nếu cho nữ nhân xen vào thì phá vỡ sự cam kết lúc đầu đầu đây là bà chánh thất của “*su trưởng*”. Magha tôn trọng ý kiến chung nên không xen lời.

Người kiến trúc bèn trở tài hung biện:

- Sao các bạn cố chấp quá vậy? Chi phạm thiên giới mới không có nữ nhân. Các bạn đã là vị phạm thiên chưa mà làm oai, làm phách vậy. Tại sao các bạn không công nhận sự thực rằng, chính nữ nhân trên đời này đã đem lại tình yêu, niềm vui và hạnh phúc cho chúng ta. Họ là động lực cho chúng ta làm việc. Họ thống khổ sinh con đẻ cái nuôi dưỡng chúng ta để có cái gọi là tương lai. Còn nữa, các cõi trời, chư thiên nữ là những bông hoa, là đàn nhạc, là những ly rượu trời là chủ nhân ông của mọi trò chơi du hí, là niềm khoái lạc triền miên bất tận. Nếu không có nữ nhân thì các bạn sẽ sống với ai? Sống giữa sa mạc hoang vu với xương rồng, với giã thú cùng với sự cố chấp, tự mãn, tự thị của mình chẳng?

Mọi người lắng nghe, toát mồ hôi, không ai cãi lại được một tiếng nào. Người thợ cả nói tiếp:

- Các bạn hãy từ bỏ quan niệm ấy đi, đầu đã được cam kết. Hãy chấm dứt tâm phân biệt đây ngã mạn kiêu căng ấy đi. Hãy lấy ngọn tháp để bà Sudhamma có cơ hội hùn góp công đức kẻo không còn kịp nữa. Và theo ý tôi, chúng ta hãy đón nhận tất cả các nữ nhân trong làng đến tùy hỷ đảm nhận phước sự về các phần còn lại.

Mọi người đuối lý. Quyết định cuối cùng là Magha, chàng mỉm cười nói:

- Đây là mưu chước, nhưng mưu chước ấy đáng được hỷ xả. Các bạn ạ. Lập luận hùng biện, đánh thếp dựa trên sự thực của người thợ cả có lẽ là do chư thiên, thợ thần mách bảo, không ai có thể phản đối được. Chúng ta là ai, mà dám đóng cánh cửa trời không cho nữ nhân cùng được bước vào?

Thế là nóc tháp nhọn được đặt lên, vừa vắn sít sao, tuyệt mỹ. Các nữ nhân trong làng, sau khi nghe được “*mở cửa*”, họ đua nhau đến góp công sức tiền của rồi vui vẻ, sung

sướng ca hát, reo cười nhảy múa... làm cho không gian tịch lặng trước đây dường như sống động, trẻ trung hẳn lên.

Trong khi cả làng, ai có công việc này thì đặc biệt, trong đàn voi đức vua tặng, có con voi chúa tên là Iravanna có giác tính rất cao, rất sốt sắng, siêng năng trong việc phục vụ, chở người hay vật liệu, bất kỳ ngày đêm, xa hay gần. Ai cũng xem voi này như bạn bè, như thân hữu, như thần vật.

Không bao lâu sau, một quy mô cực kỳ vĩ đại được hoàn thành.

Trong giảng đường có đầy đủ bàn ghế tròn vuông, ngắn dài các loại. Đặt những ghế nước ngọt, trong tại các hành lang. Xung quanh giảng đường, họ làm thêm nhà trọ cho khách lỡ bước, trạm nghỉ chân cho khách thương, cho cả trẻ nít chăn trâu chăn bò. Đâu đâu cũng đủ phòng ăn, nhà tắm, nhà vệ sinh, hầm bỏ rác. Ngoài ra, những bức tường dài bao quanh có gắn cửa vuông, cửa tròn ta rộng. Những con đường lót sỏi trắng. Những hàng cây sala, tre trúc, dâu da, các loại cây nhiệt đới xanh tươi mát mẻ. Tại mỗi nơi có bóng mát, Magha sai đặt những phiến đá vuông vức, đẹp cho người ngồi nghỉ chơi.

Nàng Sunandā, bà vợ thứ hai của Magha, muốn phước báu lớn hơn cả Sudhamma, phát tâm làm hồ, làm suối. Hồ xanh thăm thẳm lấp lánh sao trời, phô thắm hoa sen, hoa súng đủ màu. Suối vờn quanh những thảm cỏ xanh mịn màng, chỗ sâu, chỗ cạn, trong leo lẻo, đủ loại cá đẹp nhơn nhơn lặng lẽ lui tới. Những chiếc cầu đá trắng lơ thơ liễu rủ trông thơ mộng như cõi bồng lai.

Nàng Sucitta, bà vợ thứ ba của Magha, đâu có chịu kém chị kém em khởi tâm làm một công viên mỹ lệ. Có những thảm cỏ xanh biếc. Có những thảm lá màu nhiều hình dáng, nhiều sắc vẻ khác nhau. Có những tảng đá thộc loại kỳ thạch,

quái thạch màu trắng, màu vàng, màu đen, màu đỏ dựng nổi bật giữa nền xanh ngút ngàn. Hằng trăm cây ăn trái, cây kiếng, cây hoa, vườn hoa...lá vàng, lá tím, lá đỏ ngào ngạt hương. Không có cây nào là không tên tuổi. Không có đường nét nào là không vui tươi, bắt mắt, đầy nghệ thuật.

Riêng nàng Sujātā, bà vợ thứ tư của Magha, trẻ đẹp nhất, duyên dáng nhất thì lại làm biếng, không chịu đóng góp một chút gì vào công trình vĩ đại nói trên. Suốt ngày cứ nhìn ngắm sắc đẹp của mình, đi tới, đi lui, trang điểm, đổi thay y phục...Lại còn ăn món này, uống món nọ để mong trẻ đẹp mãi, mong đẹp hoài. Rất thương nàng Sujātā nhưng Magha không khuyên bảo được, chỉ lặng lẽ thờ dài mà thôi.

Với công đức như vậy, nhân và duyên như vậy, lúc mệnh chung rất nhiều cư dân trong làng có công, có của đều hóa sanh lên cõi trời. Riêng thanh niên Magha hóa sanh làm vua trời Đế Thích, cai quản 33 tòa cung điện. Trong đó:

- Do phước báu làm căn nhà hội lên đây được trả lại bảo điện *Vejayañta* có thể bay được bởi vị trời đánh xe *Matāli*.

- 30 tòa cung điện cao sang là phước báu của 30 chàng thanh niên và gia quyến của họ.

- 03 tòa bảo tháp mỹ miều, tráng lệ là phần của ba bà vợ của Đế Thích đây là bà *Sudhamma*, *Sunandā* và *Sucitta*. Riêng bà vợ thứ tư, cô nàng xinh đẹp *Sujātā*, không chịu làm phúc, không biết sanh về đâu, đọa lạc ở cõi nào.

Ngoài ra (*xem phần cảnh giới ở trên*)

- Người thợ cả kiến trúc sanh làm một vị thiên tử nhiều phước tướng nên có tên là *Vessakamma*.

- Con voi chúa có công đức hóa sanh làm vị thiên tử có tên là *Iravaṇṇa*.

- Do có trồng nhiều cây im mát nên tại cõi trời có cây đại thọ tên là *Parichattaka*.

- Do đặt những tảng đá dưới gốc cây có bong mát mà Đế Thích có bảo tọa bằng đá tên là *Paṇḍukambala*.

- Do bà Sudhamma hùn góp tháp nhọn nên lên đây có bảo điện tên là *Sudhammadevā Sabhā*.

- Do bà Sunandā phát tâm làm hồ, làm suối nên cõi trời này được trả lại 1 cái hồ kỳ vĩ hơn, đấy là hồ *Sunandā Pokkharanī*.

- Do bà Sucitta làm công viên nên lên đây có được cái vườn thượng uyển diệu kỳ hơn, có tên *Sucittalatā*.

Như vậy, rõ là nhân nào quả nấy định luật ấy rất phân minh, không hề sai trật.

2.5- Câu chuyện về rượu trời và địa giới Atula thiên:

Atula thiên có một cảnh giới riêng, là nơi ở của một loại chúng sanh hữu phước hơn cõi người¹³. Trước khi Đế Thích chưa hóa sanh lên đây thì cõi này là cảnh giới của Atula vương cùng thiên chúng Atula chiến ngự.

Hôm kia, chúng Atula ngạc nhiên xiết bao khi thấy ngay giữa trung tâm cảnh giới, chợt xuất hiện rất nhiều bảo điện nguy nga lộng lẫy, cao sang và quý báu hơn cả những cung điện của chúng. Rồi vào vườn thượng uyển, nào ao hồ nước, nào cây cối, nào kỳ hoa dị thảo, đâu đâu cũng xinh tươi, thơm tho và ngoạn mục. Ban đầu chúng tưởng rằng là “*chư thiên đồng loại*” nên chuẩn bị nghinh tiếp cư dân mới nhưng khi nhìn thấy hóa ra không phải, họ cao sang xinh đẹp hơn Atula nhiều.

¹³ (1) *Atula địa thì thua cõi người*

Đế Thích cũng ngạc nhiên không kém khi thấy phía bên ngoài cảnh giới của mình lại có một cư dân khác, cũng là chư thiên nhưng sao trông phục sức và mặt mũi thấy chẳng hiền lành tí nào. Ngài cảm thấy bất an. Hôm kia, nhân dạo chơi vườn thượng uyển Sucittalatā, phát giác một cây đại thụ kỳ lạ, to lớn lạ lung quả lại chín mọng treo lủng lẳng cả hàng vạn trái. Đế Thích bảo vị thiên theo hầu hái thử một quả. Vừa cắn một miếng nhỏ, Đế Thích có cảm giác ngọt, ngon, bùi, béo, lại say say, ngây ngây dễ chịu...

- Thiên chủ hãy dè chừng - *Vị thiên tâu*- Thời gian trước đây, đã có hơn 10 vị trời, ăn cả trái say hoài không thấy tỉnh lại đây.

- Quả có vậy sao?

- Tâu vâng, chư thiên gọi nó là cây say, trái say.

Nghe vậy, Đế Thích ra lệnh cấm chư thiên không được ăn trái say kia nữa.

Nhớ lại chuyện ấy, Đế Thích nghĩ ra một mưu kế. Ngài cho thiết lễ một cuộc tiệc lớn tại trung tâm bảo điện, bày đủ thức ngon vật lạ, đặc biệt trong đó có trái say để mời Atula vương tên là Vepacitta Asurina và thiên chúng Atula cùng chia sẻ.

Atula vương cười ha hả, cùng vui vẻ no say. Và quả thật, khi đụng đến trái say, chúng ăn mê mải rồi say nằm la liệt. Nhìn hội chúng Atula không còn biết trời trăng là gì, Đế Thích nói với chư thiên:

- Chúng ta không thể sống chung với họ được. Phía dưới đỉnh Sineru này có một cảnh giới. Cỗ lễ chúng ta nên an trí họ ở đấy.

Sau đó, Đế Thích sai bảo các chư thiên chiến sĩ mạnh khỏe lần lượt quăng vật chúng Atula xuống phía dưới. Ai

ngờ, do phước báu bảo hộ, một cảnh giới mới, có một bảo điện lớn rộng tên là Asuravimāna nâng đỡ họ ngay.

Tỉnh lại, Atula vương tức giận, mở cuộc chiến tranh, tấn công Đế Thích quyết đòi lại đất đai cảnh giới. Chư thiên Đao Lợi vốn người mảnh dẻ, thanh cảnh, vui chơi, du hí là chính đâu có biết đánh nhau. Thấy khí thế hung hổ với đao, kiếm, cung nỏ, những vũ khí lạ mắt ghê sợ của chúng Atula chư thiên rần rật bỏ chạy. Đế Thích cũng chạy. Ngài và 3 bà vợ, một số chư thiên trọng thần, leo lên chiếc xe Vejayañita với vị trời đánh xe Matāli lao đi với tốc độ kinh hồn, thoát khỏi vòng vây của Atula. Lướt qua hư không, lướt qua khu rừng, chiếc xe dường như không có vật cản.

Matāli nói:

- Chúng ta đã đi quá xa, đến một cảnh giới nào đó rồi, thưa thiên chủ.

- Có tiếng gì kêu, rơi...thế hả, Matāli?

- Chiếc xe chúng ta xuyên qua rừng như vết chém thế là hàng ngàn hàng vạn thân cây lưa bông bị gãy đổ, đứt lìa rơi xuống biển. Đây là quốc độ của loài Kim xí điều. Tổ của chúng bị bắt tung tóe, vô số chim mẹ, chim cha, chim con bị chết, bị cắt chém, bị tung, bị rơi...như trong trận bão trông rất thảm thương.

Nghे vậy Đế Thích lạnh toát cả người, vừa thương xót, hối hận vừa động mối từ tâm, tức khắc cho xe quay lui, đành cam chịu nạm mạng mình cho Atula vương. Không thể tìm cái sống trong cái chết của chúng sanh vô tội. Khi đi, Đế Thích đi một hướng, khi về Đế Thích theo hướng khác.

Atula vương và Atula chiến sĩ đang say men chiến thắng và cũng đang ngất ngư ném trái say tâm thần không ổn định thấy Đế Thích trở lại với sắc vẻ ung dung, tự tại, nghĩ

rằng: “*Chắc chắn các Đế Thích từ thế giới khác hay tin đến tiếp viện. Khi chạy trốn, chúng trốn hướng này, lúc trở lại, chúng đi hướng này. Như vậy rõ ràng chúng ta đang bị bao vây, không có hồ nghi gì nữa*”.

Vì suy luận như thế nên bọn Atula rần rật bỏ chạy như đàn kiến vỡ tổ, phút chốc không còn một mống, khí giới các loại quăng bỏ ngổn ngang.

Đế Thích vào thành với thiên chúng doanh vây. Trong sát na ấy, đất nứt ra và địa giới của thiên quốc trời lên cao 1000 do tuần. Đức Thiên Chủ đứng chiêm ngưỡng phước báu kỳ lạ, tự nghĩ rằng: “*Có lẽ đây là nhân từ tâm, nhường nhịn chúng Atula, không đánh nhau với kẻ dữ, cũng do nhân từ tâm, thà nộp mạng sống mình cho ác chủ tế còn hơn là sát hại rừng Kim xí điều*”.

Do vậy, Đế Thích càng có tâm bất thối với thiện pháp. Từ đây ngoại vi cảnh giới, ngài ra lệnh bảo vệ loài Kim xí điều. Trong khu vực quản nhiệm, ngài tìm kiếm sự an toàn cho loài Nāga, loài Kumbhandā, kể cả Dạ Xoa và Càn thác bà trong thiên vương bốn cõi. Còn từ nay thiên quốc hoàn toàn thanh bình vì giới Atula đã quá xa xôi, không còn sợ bọn chúng quấy nhiễu nữa. Tuy nhiên, để đề phòng mọi bất trắc, tâm địa khó lường của Atula cắt đặt năm loại quân binh phòng hộ các nơi.

- Bốn cửa cung trời hóa hiện kim tượng Đế Thích to lớn, đứng uy nghiêm, cầm gươm vàng sáng rực suốt ngày đêm, lại còn Tứ đại thiên vương lúc nào cũng sẵn sàng có mặt, theo hầu cũng như ứng chiến

- Mặt nước đại hải và các nơi khác có chư thiên chiến sĩ và các đội quân Dạ Xoa (Yakka), Cưu bàn trà (Kumbhanda), Đại bàng (Grudha) túc trực sẵn.

Và quả thật, sự đề phòng này không uổng phí. Do Atula vương lâu lâu lại thêm nhớ rượu trời (trái say), muốn cất binh đi đánh. Nhưng lần nào, quân do thám về đều báo cáo lại là trên đó, đâu đâu cũng được canh phòng cẩn mật. Lại nữa, tại bốn cửa trời, cửa nào, lúc nào cũng gặp ông Đế Thích cầm gương, sát khí đằng đằng nên chúng đều sợ hãi bỏ chạy.

Thấy đâu đó thế là đã được ông định xong xuôi, đã đến lúc, Đế Thích thấy đã đến lúc cứu độ nàng Sujātā, cô vợ bé bông, và thiếu phước nên không cùng lai sinh đồng đẳng để hưởng phúc quả.

2.6- Cuộc chuyển kiếp ngoạn mục của nàng Sujātā (cô vợ út xinh đẹp của Đế Thích):

Trong lúc mọi người sum vầy lạc phúc trên thiên giới thì tội nghiệp thay, cô vợ xinh đẹp Sujātā của Đế Thích lại sinh làm thân một cô gái Hạc ở rừng sâu. Cha mẹ chết, Hạc sống cô đơn, lạnh lẽo, không có bạn bè, không có niềm vui.

Hôm kia, trong ánh triều dương rực rỡ, cô gái Hạc, trên một cành cây, đang đứng tia tốt long cánh thì trước mặt chợt sáng rực lên, xuất hiện một chàng thanh niên Hạc quý phái và đẹp đẽ lạ lùng. Chàng kia, đôi mắt trong xanh vời vọi, sâu thẳm, tròn to, đa tình, chiếc mỏ cong cong óng ánh lân tinh và đôi chân cứng mạnh tràn trề sinh lực.

- Ta muốn đến làm bạn với nàng đây, hồi công chúa Hạc kiêu diễm.

Cô gái Hạc thẹn thùng quá đỗi, khép cánh lại, nép đôi mắt ướt át vào sau một cành cây.

- Đi chứ, Sujātā, công chúa Hạc? Hãy cùng ta đi xem một cảnh giới huy hoàng.

Thanh niên Hạc ấy chính là Đế Thích hóa thân. Sau khi dùng thiên nhãn, ngài thấy Sujātā do thiếu phước nên đọa

sanh làm thân chim Hạc ở rừng này nên đã phương tiện tìm cách cứu độ. Thế rồi, với thần lực của mình, Đế Thích nhẹ nhàng đưa cô gái Hạc bay xuyên qua những đám mây mờ đến cõi trời Đao Lợi. Sau khi để cho cô gái Hạc ngắm nhìn 33 tòa cung điện rực rỡ với chư thiên nam nữ phục sức trăm màu lộng lẫy, cao sang, vui chơi du hí đó đây, Đế Thích đứng trên một chóp đỉnh bảo điện, thì thâm to nhỏ như rót vào tai, kể lại cho cô gái Hạc nghe tiền duyên nhân quả, kiếp trước kiếp sau liên hệ như thế nào. Rồi khuyên cô gái Hạc sống đời thiện lương, giữ ngũ giới, sau này do phước báu bố trợ, giúp nàng thác sanh vào cõi trời này để tái ngộ duyên xưa. Nói xong, như để làm tin, Chàng Hạc bỗng vút cánh lên mây xanh, biến thành Đế Thích thiên chủ, mũ miện sáng ngời, thiên bào bầy báu, rực rỡ uy nghi, ngồi giữa hư không nhìn cô gái Hạc, tủm tỉm cười. lát sau, thấy cô gái Hạc e thẹn bên lèn gặt đầu, Đế Thích hài lòng, dùng thần lực đưa cô gái Hạc trở về rừng sâu.

Hạc tỉnh mộng, bàng hoàng nhớ lại tất cả mọi chuyện xảy ra ở kiếp trước. Ai cũng có công đức, riêng nàng thì không. Ai cũng được sum vầy, tái ngộ tại thiên quốc cực lạc còn nàng thì mang cái thân chim xấu xí, vô phước. Phải tu tập đi thôi, kiên quyết giữ giới để hy vọng một kiếp lai sanh tương ngộ tình nghĩa vợ chồng. Bắt đầu từ đó. Hạc không ăn các sanh mạng còn sống, lại không quen ăn lá cỏ các loại hạt nên Hạc gầy yếu rất nhanh. Ít tuần sau là Hạc kiệt sức, ngã gục bên bờ suối. Sương rừng và gió núi làm hạc tỉnh lại. Một mối, lờ đờ, Hạc lê vài bước. Một chút nước suối làm Hạc tỉnh táo hơn. Và ô kìa! Có một con bé ngậy nằm phoi cái bụng vàng óng ánh. Nó chết rồi! Đây chỉ là tứ đại. Nó sẽ cho ta sinh lực và sự sống.

Khi ngậm con cá trong chiếc mỏ xinh xắn, Hạc nghe thân cá rung động, uốn con chiếc đuôi. Hoảng hốt và như một phản xạ trong sạch ở trong tâm có giới bất sát, Hạc nhả con

cá ra, thần thờ. Hạc còn không quên dùng chiếc mỏ đẩy con cá xuống dòng nước. Thà chết chứ ta quyết không sát sanh. Dầu cho cái đói bức bách, hành hạ ta, ta vẫn kiên gan chịu đựng để được lợi ích và tiến hóa trong các kiếp sống.

Chợt, trước mắt Hạc rực sáng. Con cá bạc từ lòng suối, bỗng chém nước một đường bay ngoạn mục, vút lên không như một vệt thủy tinh, hiện thành Đệ Thích thiên chủ, ngồi giữa đám mây lành tực rỡ.

- Lành thay, Sujātā thương yêu - *Đệ Thích nói* - Nàng đã có giới ở trong tâm. Nàng đã biết nghe lời ta. Thật ra, chỉ một chớp mắt là cái kiếp Hạc phù du. Hãy kham nhẫn, chiến thắng vị dục và cái bụng, rồi nàng sẽ tái ngộ cùng ta trong cõi thiên đường xán lạn.

Nàng Sujātā nhờ có giới hộ trì, nâng đỡ, nhưng vì chưa đủ phước báu nên hết kiếp Hạc, tái sanh làm cô con gái trong một gia đình nghèo khổ ở Ba la nại.

Từ đình Sineru, nhờ thiên nhãn, Đệ Thích biết chỗ sanh thú của nàng. Mùa hè đỏ lửa năng ấy, Đệ Thích hóa thành một cụ già đẩy một chiếc xe chất đầy dưa chuột chín vàng đi vào thành phố. Ông già bán dưa chuột rao một câu lạ lung.

- Ai cần dưa, hãy đến lấy. Ai có giới hãy đến lấy dưa chuột.

Màu dưa chuột chín vàng rất thích mắt, thấy là đã muốn ăn ngay. Thật là của hiếm giữa mùa nắng cháy rát da, khô họng. Người ta xô lại và ai cũng tranh phần muốn mua.

Ông già hét to:

- Các người là ai? Các người có giới không? Ta chỉ cho dưa chuột đến người có giới.

Mọi người đều nói:

- Tôi chẳng biết giới có mặt đen hay mặt đỏ, như tôi có tiền. Tôi sẵn sàng trả giá cao nhất.

- Hãy đi! Ông già bán rong lấy tay xua - Ta không cần tiền. Tiền bạc có ích sự gì? Dưa này, ta chỉ cho không đến người có giới.

Với sức mạnh do thần lực của vị thiên chủ, đôi cánh tay gầy guộc của cụ già như vòng đai kiên cố bảo vệ xe dưa chuột. Đám đông như chạm phải bức tường đồng vách sắt, dạt lui. Ai cũng nghĩ ông già ấy điên. Mọi người dần dần lảng tránh xa ra.

Tiếng rao của cụ già khàn khàn, vọng từ đường phố này sang đường phố khác, từ khu nhà này sang khu nhà khác. Muôn dân thành Ba la nại không hiểu duyên cớ tại sao cứ nghe mãi âm thanh của ông già rao bán dưa chuột vang vang trong lỗ tai. Kể cả kẻ điếc lãng hóm ấy họ cũng nghe rất rõ ràng: “Ai có giới, ta cho không dưa chuột. Ai có giới, ta cho không cả xe dưa chuột”.

Tiếng rao đến tai cô gái nghèo trái tim rung động mạnh. Tiềm thức quá khứ mơ hồ trở về. Nàng biết giới, nghĩ về giới, quen với giới như người bạn thân đi xa lâu ngày gặp lại. Cô gái ra đường, rẽ đám đông bước tới.

- Thưa cụ! Tôi biết giới, tôi có giới. Hãy cho tôi dưa chuột.

Cụ già nở nụ cười hóm hỉnh, nhìn cô gái nghèo hỏi:

- Cả xứ Ba la nại này có ai biết giới gì đâu, tại sao cô bé biết?

- Thưa cụ, tôi biết từ quá khứ.

- Vậy, giới là gì nào cô bé?

- Là ngăn giữ những điều ác thưa cụ!

- Vậy là đúng! Vậy là tốt! *Cụ già cười ha hả*- Này cô bé hãy thọ trì ngũ giới đây cô bé nhé!

Rồi Đế Thích trao cả xe dừa chuột cho cô gái, chỉ nói riêng cho nàng nghe:

- Đây chẳng phải là dừa chuột đâu, là cả xe vàng ròng đấy. Hãy dùng của cải mà nuôi mạng sống, nuôi cha mẹ già, nhớ tích lũy thêm các công đức như bố thí, làm các thiện sự hữu ích đến mọi người.

Cô gái y lời, giữ giới trong sạch, cúng dường các đạo sĩ, bố thí đến người nghèo khổ, xây dựng các trạm phước xá, chân bần đến mãn đời. Hết tuổi thọ mạng chung, cô gái hóa sanh làm công chúa cõi Atula thiên, mang sắc đẹp quý phái, đôn hậu thùy mị, lại có nước da màu vàng ròng, chói lọi nhưng mịn màng do quả giữ giới trong hai kiếp liên tiếp.

Đến tuổi trưởng thành, Atula vương cho nàng tự do kén chồng. Các hoàng tử khắp các cõi Atula đồng đến tham dự mong được lọt vào cặp mắt xanh của mỹ nhân. Đế Thích biết chuyện, chuẩn bị bộ sậu, giả trang làm một hoàng tử Atula trông vô cùng hiên ngang, anh tuấn, lại quý phái đẹp đẽ cực kỳ...Giữa chúng hoàng tử Atula Đế Thích phương phi, cao sang như chúa phượng hoàng.

Nhìn thấy Đế Thích, trái tim công chúa Atula xao xuyến, bồi hồi do sợi dây duyên ái, do năng lực từng chung sống yêu thương kiếp trước (*Pubbessannivāsa*), nàng chọn Đế Thích làm chồng giữa muôn vàn tiếng reo hò, tán dương của chư thiên và Atula đồng ngưỡng mộ.

Đế Thích ra mắt nhạc gia, hiện thành thân tướng trang nghiêm đầy uy lực của một bậc thiên chủ tối cao. Ngài cung kính và điềm đàm trình bày cho Atula vương nghe rõ nhân, duyên và quả trong các kiếp sống bây giờ lại muốn kết tình giao hảo giữa hai quốc độ.

Ban đầu Atula vương (*Vepacitta Asurina*) ùng ùng nổi giận, sau nhìn thấy con gái rõ rõ hạnh phúc, nghĩ rằng, dẫu là ông vua trời cao quý nhưng đã hạ mình làm giai tể thì có lý nào lại cố chấp, chuốc mỗi oan thù? Điều đáng nên hãnh diện là khác. Bèn cười ha ha.

- Đế Thích! Ha ha! Rốt lại, ngươi là con rể của ta! Ha ha.

Đế Thích nhũn nhặn mỉm cười vui vẻ, sai chư thiên thuộc hạ dâng trái cây say, một số lễ phẩm quý trọng mà cõi Atula không thể có rồi vái lạy Atula vương làm nhạc phụ.

Về cung trời Đao Lợi, Đế Thích tặng chúa Atula một biệt điện nguy nga lộng lẫy, đặt nàng lên vị trí thứ hậu, xung quanh đoang vây hai ngàn năm trăm vạn thiên nữ hầu hạ. Vậy, nhờ sự đa tình, thủy chung mà Đế Thích có đầy đủ bên mình 4 bà vợ trong mối lương duyên ẩn bên sau hương thom của diệu pháp.

Thanh niên Magha, trời Đế Thích, thừa ấy là tiền thân Phật Sākyamuni của chúng ta vậy.

(Hết)

Kính cáo:

Tập sách nhỏ “Giải về Cõi Trời” này vốn là bài giảng của ngài Giới Nghiêm, cố ân sư của chúng tôi, viết theo lối “văn nói” chỉ mới phát hành nội bộ năm 1961 tại Tam Bảo Tự Đà Nẵng. Tôi đã dựa theo bản đánh máy của Phật tử Liễu Vân (Nguyễn Thị Lệ Thủy) ở Sài Gòn, chữ được chữ mất, nhất là một số câu, một số từ Pāli thì nhiều chỗ mờ nhạt hoặc mất hẳn. Viết lại soạn lại theo “văn viết” do yêu cầu của một số Phật tử tôi không dám đảm bảo sự chính xác của nó. Do phải phân chia tiết mục cho dễ nắm bắt, đôi khi lại phải thêm chữ, thêm câu cho liền văn, liền mạch nên diện mạo đã không còn như cũ nữa, đệ tử xin sám hối với cố Ân Sư.

Vậy, tất cả sự vụng về, thiếu sót hoặc sai lầm ở đâu đó nhất là phần Pāli chưa có thời gian tra cứu là trách nhiệm của tôi, kính cáo lỗi với chư vị độc giả.

Huyền không Sơn Thượng

Am Mây Tía – tháng 6/2009

Tỳ khuru Giới Đức

(Minh Đức Triều Tâm Ảnh)